

205 (1-10-1934)

QUÂN-TỬ VỚI TIÊU-NHÂN

Quân-tử với tiêu-nhân là hai cái danh-từ để phân-biệt phẩm-cách cho hai hạng người. Hai cái danh-từ ấy có ở trong luân-lý, đạo-đức Đông-phương đã lâu đời, nhất là ở trong các sách của Nho-gia dù ng đến rất nhiều.

Bởi truyền-thụ Nho-học đã sâu, nên trong tiếng nói Việt-Nam ta, hai danh-từ quân-tử với tiêu-nhân ấy cũng đã thành ra thông-dụng lắm. Người ta nói đến hàng ngày.

Chỉ trong hai cái danh-từ cửa miệng, mà nghe qua đủ hiểu ngay được phẩm-cách của hai hạng người khác nhau trái nhau là thế nào. Từ người lớn đến trẻ con, từ người có học đến người ít học, dân ông cho chí dân bà, ai cũng biết nói đến.

Nghe thấy nói đến cái tên quân-tử thì ai cũng yêu, nghe thấy nói đến cái tên tiêu-nhân thì ai cũng ghét. Và ai cũng muốn tự-nhận cho mình là quân-tử mà mắng kẻ khác là tiêu-nhân. Ôi, thực là một cái phép phê-phán về phẩm-cách người ta theo nghĩa triết-lý mà rất là giản-dị.

Tuy thế, nhưng mà phạm một cái danh-từ nào càng được phổ-cập thông-dụng ra phong-tục bao nhiêu, thì nó lại càng hay sai-lạc với bản-nghĩa của nó bấy nhiêu. Hai cái danh-từ quân-tử với tiêu-nhân ở trong cái nghĩa thông-tục ngày nay cũng thế. Xét ra trong cái nghĩa thông-tục mà cửa miệng người ta thường dùng thì quân-tử với tiêu-nhân dường như chỉ phân-biệt nhau ở trong ba cái giới-hạn: Có học là quân-tử, vô-học là tiêu-nhân; có tài-trí là quân-tử, vô tài-trí là tiêu-

nhân; giàu-sang là quân-tử, nghèo-bè là tiêu-nhân.

Lấy cái giới-hạn trên ấy để phân-biệt hạng người, để phê-bình phán-đoan phẩm-cách người ta là quân-tử hay là tiêu-nhân, thực là sai-lạc với bản-nghĩa của nó. Phải biết quân-tử với tiêu-nhân chỉ về đức-tính chứ không phải là chỉ về tài-năng, chỉ về cái nó đã có sẵn ở trong, chứ không chỉ về cái ở ngoài nó bám vào. Thế cho nên Khổng Phu-tử bảo học-trò là Tử-Cống có nói rằng: « Anh phải làm kẻ quân-tử nhỏ, chứ đừng làm kẻ tiêu-nhân nhỏ 女為君子儒，無為小人儒 ». Đã gọi là Nho thì không những là người đã có học mà lại phải là người đã học nhiều rồi. Thế mà nho cũng có nho quân-tử với nho tiêu-nhân, thì biết rằng không phải hề có học thì đều là quân-tử.

Lại cổ-ngữ có nói: « Kẻ tiêu-nhân có tài mà vô-hạnh 有才無行之小人 », thì biết rằng không phải hề có tài-trí kỹ-xảo thì đều là quân-tử.

Còn như cho rằng: giàu-sang là quân-tử thì lại càng không đáng, xem như Khổng Phu-tử đã nói: « Quân-tử hiểu về điều công-nghĩa, tiêu-nhân hiểu về điều tư-lợi ». Vì càng hiểu về tư-lợi nên mới càng được giàu-sang. Vậy thì những kẻ giàu-sang chưa tất-nhiên đã là quân-tử cả.

Tuy hai cái danh-từ quân-tử, tiêu-nhân xuất-biện ra từ đời mà phép phong-kiểu còn đang thịnh, cái giai-cấp của nhân-dân phân-biệt còn đang nghiêm, thì bấy giờ quân-tử là cái huy-biểu của kẻ quý-tộc, mà tiêu-nhân

là cái tên thông-xung cho bọn bình-dân thực. Nhưng đến cửa họ Khổng thì hai danh-từ quân-tử, tiểu-nhân bên đời cái nghĩa giai-cấp đi mà chuyên-chỉ về cái nghĩa đức-tính trong luân-lý. Nay cứ xem những chỗ so-sánh về quân-tử với tiểu-nhân trong sách *Luận-ngữ* thì biết nó là hai cái phẩm-tính của kẻ tốt với người xấu, mà không phải là cái bề-bạc của người sang với người hèn. Như những câu: « Quân-tử cầu ở mình, tiểu-nhân cầu ở người: 君子求諸己,小人求諸人. » Đó là nói quân-tử với tiểu-nhân khác nhau về cái đức tự-tu. « Quân-tử đối với mọi người đều chu-tất mà không thiên-vị với ai. Tiểu-nhân thiên-vị về từng bè-đảng mà không chu-tất: 君子周而不比,小人比而不周. » « Quân-tử hòa hiệp mà không a-dua, tiểu-nhân a-dua mà không hòa hiệp: 君子和而不同,小人同而不和. » Đó đều là nói quân-tử với tiểu-nhân khác nhau về cái đức hợp-quần. « Quân-tử bao giờ cũng ung-dung, tiểu-nhân lúc nào cũng bo-thiết: 君子坦蕩蕩,小人長戚戚. » « Quân-tử khoan-hòa mà không kiêu-căng, tiểu-nhân kiêu-căng mà không khoan-hòa: 君子泰而不驕,小人驕而不泰. » Đó đều là nói quân-tử với tiểu-nhân khác nhau về cái đức lúc ngày thường.

Lược cử mấy câu trên ấy làm tỉ-dụ thì đủ thấy sở-dĩ quân-tử đáng cho đời quý, tiểu-nhân đáng cho đời khinh là ở chỗ đức-tính khác nhau. Do chỗ đức-tính khác nhau đó mà quân-tử làm nên sự-nghiệp ích-lợi cho xã-hội quốc-gia, tiểu-nhân làm nên lầm-lỗi dễ thiệt-hại cho nhân-quần nhân-loại. Vì rằng đã có cái đức quân-tử thì tự-nhiên chịu tu-tiến mà thành có học có tài, và biết tự dùng được tài-học của mình vào chỗ chính-dáng. Nếu đã không có cái

đức quân-tử thì càng được học càng có tài, tức như Vương Dương-minh đã nói: lại càng giúp thêm khí-giói cho giặc cướp. Hai cái đức quân-tử với tiểu-nhân không những rõ quan-hệ cho nhân-cách, cho sự-nghiệp của chính thân từng người là như thế. Mà nó lại còn quan-hệ cho cuộc đời không biết là dường nào.

Cuộc đời từ xưa đến nay, từ tây sang đông, sở-dĩ thịnh hay là suy, tiến hay là thoái, đều do ở hai cái đức-tính quân-tử với tiểu-nhân bên nào thắng hay là bên nào bại mà khiến nên. Thế cho nên « đạo quân-tử thịnh-vượng lên thì đạo tiểu-nhân phải tiêu-diệt, mà đạo tiểu-nhân thịnh-vượng lên thì đạo quân-tử phải tiêu-diệt. » Lẽ tất-nhiên như thế không còn ngờ gì nữa. Vì hai loài nó khắc-kị nhau như nước với lửa. Quân-tử không thể dung được tiểu-nhân, mà tiểu-nhân cũng không thể dung được quân-tử. Một bên đắc-thắng tất một bên phải thất-bại. Người thức-giả muốn biết cuộc đời trên lịch-sử những lúc nào thịnh suy, tiến-thoái, cứ lấy đó mà đoán ra.

Xét như thế thì quân-tử với tiểu-nhân không tất-nhiên là hai người, mà chỉ là hai cái đức-tính tốt với xấu mà hạng người trung-đẳng ai cũng kiêm có được cả. Đã là hai cái đức-tính cũng như mọi cái tính-nết khác, người ta đều có thể lấy công-phu tu-dưỡng mà làm cho cái tốt ngày thêm phát-dạt, cái xấu ngày càng mất hết đi. Cá-nhân như thế, xã-hội cũng như thế, cuộc đời sẽ nhờ đó mà khỏi suy và thoái mà được thịnh và tiến lên.

Vậy thì từ một cá-nhân cho đến một xã-hội mà muốn cho mình không đến bị suy bị thoái mà sẽ được thịnh được tiến, thì hằng ngày phải tự tỉnh-sát lấy mình. Cái gì là cái đức-tính quân-tử

thì giữ-gìn, pàù-trì, tôn-trọng cho nầy nở mãi ra. Cái gì là cái đức-tính tiêu-nhân thì mài rũa, trừ bỏ, ức-chế cho mòn-mỏi đi. Như thế thì không những người chân-chính quân-tử được thừa thời-cơ mà ra ứng-dụng, và những kẻ tiêu-nhân bị hoàn-cảnh đào-thải mà đều phải nép-phục. Mà chính trong tự thân kẻ cá-nhân bao nhiêu đức-tính xấu cũng đều tiêu-tán đi mà bao nhiêu đức-tính tốt đều hiển-lộ lên. Con thạch-thùng đã thay chỗ ở, nếu nó không tự thay đổi mình nó cho hợp với cảnh-sắc xung quanh thì nó cũng không thể nào mà sống được. Ấy cái ảnh-hưởng thịnh-vượng lên hay là tiêu-diệt đi của hai bên quân-tử với tiêu-nhân là như thế. Mà đều do tự người ta gây lên cho mình cả.

Coi đó thì biết, thế-lực danh-vị vốn là cái phụ thuộc ở ngoài, đã cố-nhiên không đủ lấy nó để phân-biệt phẩm-cách cho người ta. Thế mà đến như tài-năng kia tuy vốn tự trời phú cho đáng quý thực, nhưng nó cũng chỉ là phần phụ-dộng mà thôi. Duy có đức-tính mới chính là phần chủ-dộng. Đức-tính tốt mà làm chủ-dộng thì sẽ nên được sự-nghiệp hay, đức-tính xấu mà làm chủ-dộng thì sẽ thành ra nhiều tội-lỗi. Một người như vậy, hợp nhiều người thành đoàn-thể, một xã-hội cũng không khác gì.

Ấy vì thế mà phép giáo-dục của cõn-nhân, lấy sự tu-đức với cách luyện-tập tài-trí làm hai phần ngang nhau, méch một bên nào không được. Là cho

rằng phẩm đã có đức tất-nhiên có tài, và có đức tốt mới biết tự-chủ mà dùng được tài hay của mình. Còn như đã khiếm-khuyết về phần đức, thì vị-tất đã bền chí mà luyện nên được tài cao cho xứng đáng với cái bản-uỷng của mình. Vả nếu kẻ kia với tự-phụ là có tài di nữa, nhưng không có đức thì vị-tất đã làm nên công-cán chi. Chẳng qua chỉ biết đem những cái tài nhỏ, những điều khôn vặt để mưu lấy những cái lợi gần trước mắt, ngoài để dối đời mà trong thực là thiệt hại cho mình. Nhiều người thấy Thái-tây người ta lấy mỡ mang trí-thức làm trọng, thì tưởng là người ta khinh-thường sự tu-đức. Nhưng không biết rằng trong phép giáo-dục Thái-lây lại càng ăn-căn chu-chỉ về hai phương-diện đức với trí. Thì hãy xem gần đây, bao nhiêu nhà hiền-triết, bao nhiêu nhà phát-minh, bao nhiêu bậc auk-hùng nào-kiệt, đã lập nên sự-nghiệp lớn cho loài người, cho quốc-gia, ở đất Âu đất Mỹ, há không phải là những bậc thành-thực quân-tử cả đấy dư? Chứ những kẻ có tài mà không có đức là kẻ tiêu-nhân, thì có làm nên gì bao giờ.

Ấy cái nghĩa quân-tử, tiêu-nhân khác nhau là như thế. Cái đức quân-tử khiến cho đời yêu, cái đức tiêu-nhân khiến cho đời khinh là như thế. Trước khi dùng đến hai cái danh-từ triết-lý ấy để phê-bình phán-đoán ai, ta nên nhận kỹ.

NGUYỄN HỮU-TIẾN



MỘT CÁI BÍ-QUYẾT CHỒNG VỚI NẠN

KINH-TẾ KHỦNG-HOẢNG :

Chủ-nghĩa cần-kiệm (1)

■

II

Cần với kiệm, hai cái danh-từ đạo-đức cỗi-hủ mấy nghìn năm mà lâu nay chúng ta đã chán nó ghét nó. khinh-thường vứt bỏ nó, họa chẳng ở chỗ thôn-quê còn có người nhắc đến, chứ đến chỗ thành-thị thì ít có người thêm bàn qua. Ngay nay cuộc mưu-sinh của dân-tộc ngày một gian-nan, nạn kinh-tế khủng-hoảng càng thêm bách-hại. Thế mà cái tài sinh-lợi của chúng ta đã chẳng tiến được là bao, mà cái đức vươn-hèn xa-xỉ của chúng ta lại tăng thêm lên đến cực-độ. Nghèo-cùng đã danh là nạn của kẻ vô-tài, nhưng đói rách không ai có thể nhìn qua mãi được. Cũng như chiến-trận, đã không có cái kẻ gì tiến quân ra tranh lấy đất, cướp lấy thành, thì phải tính lấy cái kẻ giữ vững cho khỏi mất hết thành-trị đất-cát cũ còn lại. Bởi vậy phàm người thức-giả đều công-nhận rằng muốn chống với cái nạn kinh-tế khủng-hoảng ngày nay, chúng ta chỉ có một mưu chắc-chắn hơn hết là chủ-nghĩa cần-kiệm. Vậy thì chủ-nghĩa cần-kiệm lại thành ra một cái lợi-khi dễ cho chúng ta dùng mà phấn-đấu với bọn giặc kinh-tế khủng-hoảng của thế-giới, một liều thuốc thần-dan thánh-được dễ cho chúng ta dùng mà chữa khỏi cái bệnh lười-biếng hoang-toàng bấy giờ.

Người ta chẳng qua là một giống sinh-vật trên mặt đất. Sinh-vật phải sống, sống phải nuôi và phải sinh-sản. Muốn sinh-sản được đông-đức, thịnh-

cường, trước phải lo nuôi sống cho no đủ. Muốn nuôi sống được no đủ phải siêng-năng làm việc để sinh-lợi, ấy là chủ-nghĩa cần. Song cần làm việc đó mà không biết lo xa bót-chặt để phòng khi cơ-nhỡ cũng không được, nên lại phải biết cách tần-tiệt và tích-trữ, ấy là chủ-nghĩa kiệm.

Động-vật trên mặt đất, giống nào mà tộc-loại sinh-sôi thịnh-vượng, tất là giống ấy giữ được chủ-nghĩa cần. Nhưng giống nào trí-năng tiến-hóa hơn, biết lo sâu phòng xa về những việc tai-hại bất-trắc của tộc-loại thì giống ấy lại còn thịnh-hành được cả chủ-nghĩa kiệm nữa kia.

Trong các động-vật mà tiến-hóa về phần trí-năng, thịnh-hành chủ-nghĩa cần-kiệm làm trọn cái thiên-chức sinh-nuôi trong loài giống với nhau được, ta thấy có giống kiến và giống ong. Không nghĩ riêng tây, không nề lao-khổ, khi nắng ấm, hết sức cùng nhau sửa-sang lấy chỗ ở, tìm kiếm lấy thức ăn, lo cho được thừa-thãi mà chưa lại dễ đến lúc ngày đông tháng giá mà nuôi sống cho nhau, cho khỏi đói rét mà khốn cùng và tiêu-diệt. Hai dân ấy về đức cần đức kiệm thực không kém gì nhau. Thực đáng gọi là hai dân biết thối và làm trọn được cái đạo sinh-sống ở đời vậy. Song ta nghe nhà động-vật-học đã nói, thì dân loài ong đối với chủ-nghĩa cần-kiệm lại còn nghiêm-khắc là dường nào. Từ là bỏ dùng cái

(1) Xem N. P. số 201-202.

án tử-hình để luận tội cho những kẻ lười ăn hại đàn. Nguyên trong dân loài ông có một số ông dục, tức là các đức ông chồng, chỉ chuyên làm cái việc đức giống, ngoài ra được ăn dưng ở rồi, không phải cất nhắc đến việc gì. Như lấy khoai-lạc và ái-tình làm hạnh-phúc ở đời, thì số đức ông chồng đó thực là bọn dân được hưởng hạnh-phúc đặc biệt hơn cả. Nhưng lấy việc đức giống cũng là một chức-vụ thì số ông dục này không phải là không vất-vả. Có công thì được ăn là lẽ tất-nhiên. Song ngặt vì chức-vụ ấy chỉ thi-hành có một thời-kỳ, vì trong đàn đã hạn-chế số sản-dục, chỉ định gây lấy số con giống là bao nhiêu. Đủ rồi thì bãi cái chức-vụ ấy đi mà không dùng đến nữa. Từ đó số ông dục chỉ nằm mà ăn hươu-bồng. Vì đã quen thân mất nết đi rồi, anh em chỉ biết có một nghề đó mà thôi, không thể xoay làm nghề khác được nữa. Bấy giờ bọn ông quân tử là bọn dân lao-động về đại-da-số, chung-thân cần-khở phải đi tha mồi về nuôi cho đàn, họ thấy bọn ông dục đã thái-hồi kia không còn làm chức-vụ nữa mà vẫn cứ ăn hưởng lợi-lộc như xưa, họ bèn xúm lại mà giết chết hết đi cho khỏi hao-tốn của chung. Ngẫm ra cho kỹ, chúng ta không nên kết án họ là bội-bạc và tàn-nhân, mà chúng ta phải biết cái chỗ nghĩ sâu lo xa, cái chỗ khổ tâm của họ là vì tiền-đồ sự nuôi sống của cả một đàn.

Giết hết bọn dân vô-nghe cho khỏi ăn hại của chung, chủ-nghĩa cần-kiệm như dân đàn ông thực-hành đến thế là cùng. Cái học kinh-tế như dân đàn ông chi-li đến thế là cực. Coi đó chúng ta biết cái cuộc sống-còn sinh-dưỡng ở đời gian-nan biếm-ngheo là dường nào! Ấy thế mà một cái giống có tài-năng, có tri-thức, đứng đầu vạn-vật, tự phụ là người kia lại chỉ ham có

cái khoái trước mắt mà quên cả cái lo sau lưng. Không biết gì là cần là kiệm, không dự-phòng gì đến công cuộc doanh-sinh lâu-dài đã lười biếng lại hoang-toàng thì đáng xấu hổ là bao.

Xét ra người Việt-Nam sở-dĩ dưỡng thành ra hai cái bệnh lười-biếng và hoang-toàng là do ở hai cái tính thị-hiếu : « thích an-nhàn và thích làm sang ». Bệnh lười-biếng là do ở cái tính thích an-nhàn mà bệnh hoang-toàng là do ở cái tính thích làm sang.

Thích an-nhàn là bởi từ bọn học-thức về phái chán đời gây nên. Người ta ở đời ai muốn khó nhọc vào mình làm gì, nhưng sống thì phải ăn, ăn thì phải làm, kẻ lao-lực, người lao-tâm, giúp vào với nhau mới nên công-cuộc. Thế mà bọn thích an-nhàn nọ thì lại lấy câu : « Bách kế bất như nhàn » là lời bá-giã của phái phóng-dãng bên Tàu làm lời thánh-huấn. Họ đã chẳng chịu nhọc đến phần xác mà cũng không muốn bận đến phần hồn. Ngày chỉ lấy thú nghèo-ngao giãng gió làm tự-lạc. Song miệng họ tuy nói là chán đời mà thân họ vẫn phải sống nhờ vào xã-hội. Rồi bao nhiêu tài-học mà họ vầu lấy làm tự-phụ nó đều cùng tiêu-mòn mạc-nạt với cỏ nội cây đồng mà không ai biết đến. Như thế họ chính là uơ-nhèn mà trốn nợ của xã-hội, chứ sao gọi được là thanh-cao.

Ấy từ đó mà cái tính thích an-nhàn của kẻ chán đời bèn truyền-nhiễm mà gây nên cái bệnh lười biếng cho quần-chúng : Bọn hạ-lưu lấy ăn dơi mà được nằm co còn hơn ăn no mà phải đi vác nặng. Bọn học-giã đã khinh hết thấy nghề-ngiệp làm ăn là dè-hèn mà lại cho tất cả những việc cách-vật tri-tri làm đa-sự. Rồi đến ngoài không hiểu gì đến quyền-lợi của chung, trong không đủ tự sinh-hoạt cho thân-phận. Cái họa đã nghèo lại dốt của một dân-

tộc như ngày nay, đều do ở tính thích an-nhân nó hun-dúc ra vậy.

Tính thích làm sang, làm sang là tự tác-vi cho ra như là sang, chứ không phải thực nó vốn sang. Người ta ở đời, có cái sang ở ngoài bầu cho, có cái sang tự mình nhận lấy. Cái sang ở ngoài là cái sang nhân-tước 人爵, cái sang tự mình là cái sang thiên-tước 天爵. Sang thiên-tước tức là cái giá-trị chân-thực về nhân-cách. Song chỉ có người văn-minh sống ở trong cái không-khí tự-do và có kiến-thức rộng mới biết tự-trọng cái thiên-tước của mình hơn cái nhân-tước ở ngoài. Còn như những người sống ở dưới cái chế-độ những giai-cấp phân-biệt quá nghiêm lại ít được mở-mang kiến-thức, thì chỉ biết sùng-bái có cái nhân-tước ở ngoài, chỉ cầu-cạnh lấy cái hư-vinh, trang-tác về phần ngoại quan mà thôi. Nghĩa là chỉ lấy bề ngoài làm so-sánh cho sự sang hèn mà thôi. Sang hèn đã chuyên so-sánh ở bề ngoài thì có thể tác-vi ra được. Đã tác-vi thì phải tổn tiền. Bởi vậy khi chưa có đồng tiền đã khát-khao những cách trang-tác sao cho ra sang thì đến khi đã có đồng tiền còn nín tiêu mà tích-trữ sao được. Kể thiếu-niên muốn được văn-minh, không lo tu-tiền lấy học-vấn mà chỉ chăm trau-giồi về cái «mốt» phồn-hoa. Kể trọc-phú dốc nước mắt mồ hôi ra để mua lấy cái danh huyền-hảo. Thâm-chi ganh lợi với nhau những cái ăn xa mặc lạ, bảnh-diện ở ngoài đường, mà đến nợ-nần tù-tội. Trước hại của riêng, sau hao-kiệt cả nguồn lợi của nước. Đầu đầy dầu sạch như rửa, nhẵn như chùi, mà cái vạ khốn-cùng của một dân-tộc như ngày nay, đều bởi cái tính thích làm sang nó cảm-đổ nên vậy.

Ngày nay thế-giới xô-xát nhau về quyền-lợi, tranh cướp nhau về kinh-lẽ, thế mà người Việt-Nam học-hành đã kém, tài-trí vốn hèn, con đường mưu-

sinh đã hẹp-hòi không cạn mà những mạch lỗ hà lỗ hồng nó làm cho tiêu-tiết nguồn lợi đi thì lại quá nhiều. Nếu không biết chừa bỏ cái tính thích an-nhân để bỏ hết cái bệnh lười-biếng, chừa bỏ cái tính thích làm sang để bỏ hết cái bệnh hoang-toàng đi, mà thực-hành lại chủ-nghĩa cần-kiệm, tôi quyết không còn có kể gì cứu-vãn được cái vạ khốn-cùng và chống đỡ được với cái nạn kinh-lẽ khủng-hoảng khốc-hại bây giờ.

Vẫn biết, quyền-lợi mà đã bị thiệt-thòi, thì dù có thực-hành chủ-nghĩa cần-kiệm đến bậc nào đi nữa, cũng chỉ tự khổ, mà sinh-kế vị-tất đã tăng-tiến được là bao. Song nghĩ thế mà nản chí thì lại không khỏi là cái ý-tưởng tiêu-cực. Tiêu-cực lại càng chống tự-diệt. Phải biết còn sống còn phải ăn dùng, không làm không có. Cuộc tranh sống gian-nan, làm không chăm cũng không đủ nuôi sống. Vì vậy nên phải cần. Không biết lo xa mà bó-p chặt để dành-dụm lại thì khi cơ-nhỡ không biết trồng cây vào đâu, vì vậy nên phải kiệm. Chừa nói đến cái nghĩa xa-xôi, hằng biết cần-kiệm như thế chính là cái kế cứu-cấp cho cái nạn nghèo-cùng bây giờ đã. Phương-chi ở đời kẻ không biết cần kiệm là kẻ không biết lo đến vận-mệnh sinh-sống của mình. Đối với kẻ ấy, quyền-lợi dù có cũng như không vì không làm gì mà dùng tới, thì thiệt-thòi có hề chi. Còn như kẻ đã biết thương đến vận-mệnh sinh sống, biết nghĩ sâu phòng xa mà phải cần phải kiệm, tất không chịu sao-những hết thấy mọi quyền-lợi phải cần dùng đến. Cuộc tiến-hóa thường ảnh-hưởng cho nhau khắp các phương-diện. Cho nên chỉ lo không biết thiết-tha mà thực-hành được chủ-nghĩa cần-kiệm, chứ không lo quyền-lợi còn chừa vãn-hồi.

NGUYỄN TRỌNG-TRUẬT

CUỘC TIẾN-HÓA CỦA DÂN-TỘC VIỆT-NAM (1)

Thưa các Ngài,

Khi tôi nhận được thư ông Hội-trưởng hội Tri-tri tỉnh ta mời xuống diễn-thuyết, tôi xin thú-thực là trong lòng lấy làm phân-vân lo-ngại vô-cùng! Vì xét mình không những tài sơ học thiển, mà về môn diễn-thuyết lại không phải là môn sở-trường. Muốn cho một cuộc diễn-thuyết được thịnh-giả hoan-nghénb, thì diễn-giả không những phải có học-thức, có lịch-duyet, lại cần phải có tài hùng-biến cao-đàm nữa. Thế mà mình học-lực nông-nổi, ngôn-ngữ vụng-về, biết làm thế nào cho liệt-vị thịnh-giả sau cuộc diễn-thuyết khỏi phàn-nan là đã mất một giờ vô-ích! Và lại từ khi có nhân-loại và từ khi có cách truyền-bá tư-tưởng thì bao nhiêu điều hay sự lạ đều đã có người nói tới cả rồi, mình có nói về vấn-đề gì, chẳng qua cũng là nhắc lại mà thôi. Vì thế nên lúc đầu tôi đã toan không dám nhận lời mời của ông Hội-trưởng qui-hội.

Nhưng nghĩ lại mình là nhân-viên hội Tri-tri, mà hội Tri-tri Hà-thành với hội Tri-tri Nam-định cũng là một hội, thì cái nghĩa-vụ mình là không được từ-chối khi hội đã muốn ủy-thác cho một công-việc gì, dù việc ấy khó-khăn đến đâu cũng phải cố sức mà làm cho được. Và lại đất Nam-thành đối với tôi không phải là một nơi xa lạ, vì tôi đã được cái hân-hạnh tông-sự ở đây trong một thời-gian khá lâu, khiến

cho đối với tỉnh ta tôi vẫn có một mối cảm-tình mật-thiết nó giăng-buộc như là đối với một nơi có nhiều kỷ-niệm êm-ái vậy. Vì thế nên từ khi cách-biệt Nam-thành, vẫn ao-uớc sao có dịp được trở lại mà thăm cảnh cũ, nhất là ở nơi cảnh cũ kia lại có nhiều bạn cố-tri, thì cuộc tái-ngộ chắc sẽ biết bao vui-thú.

Ấy chỉ vì muốn làm tròn nghĩa-vụ đối với hội Tri-tri và muốn được hưởng cái lạc-thú gặp các bạn cũ, nên tôi mới đánh bạo mà đến đây hôm nay, không phải là để diễn-thuyết, vì hai tiếng diễn-thuyết to-tát quá, mà chỉ là để nói chuyện hầu các ngài về « Cuộc tiến-hóa của dân-tộc Việt-Nam ». Trong câu chuyện này không những tôi chỉ dùng sự suy-đoán và sự quan-sát mà thuật lại cuộc tiến-hóa của người mình từ trước tới nay, tôi lại xin các ngài cho phép tôi thỉnh-thoảng được bày-tỏ một vài ý-kiến về cuộc tiến-hóa đó, và mong rằng có chỗ nào sai-lầm sẽ được các bậc cao-minh phủ-chính cho.

I. — Luật tiến-hóa

a) Trước hết tưởng nên định cho rõ nghĩa hai chữ tiến-hóa để tránh sự hiểu lầm. Tiến-hóa tức là thay đổi để cho một ngày một hay hơn, một tốt hơn, một giỏi hơn. Xét trong vũ-trụ, không những loài người, đến cả các loài thảo-mộc cầm-thú, bình như đều

(1) Diễn-thuyết ở hội Tri-tri Nam-định ngày 11 Août 1934.

phải theo một cái luật của tạo-hóa, theo thời-gian, theo hoàn-cảnh mà thay đổi cái-cách luôn mới có thể sinh-tồn được. Cái luật tiến-hóa chung cho cả vạn-vật ấy, trước đây có mấy nhà học-giả Thái-tây đã bàn luận một cách xác-dáng, như LAMARCK (1744-1829) người Pháp, và DARWIN (1809-1882) người Anh.

b) Nay ta không bàn đến sự vạn-vật tiến-hóa làm gì, ta chỉ nên xét đến cuộc tiến-hóa của loài người và của dân-tộc Việt-Nam mà thôi.

Loài người cũng là một giống động-vật thì lẽ tất-nhiên là không thoát khỏi cái luật thiên-nhiên vừa nói trên kia. Nhưng sự tiến-hóa của loài người không phải là khắp mặt địa-cầu đều giống nhau, vì sự tiến-hóa đó không phải là chỉ theo thời-gian lại còn phải tùy nhiều trường-hợp khác, như khí-hậu, hoàn-cảnh, bản-tính các chủng-tộc, chế-độ xã-hội cùng những việc thuộc về lịch-sử. Vì những lẽ đó mà các dân-tộc trên hoàn-cầu tiến-hóa nhanh chậm khác nhau, có dân-tộc đã cực-điểm văn-minh, có dân-tộc còn ở thời-kỳ bán-khai, mà cũng có dân-tộc còn ở trong vòng dã-man nữa.

c) Nay nói đến dân-tộc Việt-Nam mình thì nếu đem so-sánh với các giống hắc-chủng ở châu Phi, châu Úc, ta có thể tự-kiêu là đã tiến-hóa nhanh hơn họ nhiều, nhưng nếu đem mình mà sánh với các dân-tộc da trắng ở châu Âu châu Mỹ thì ta không khỏi tự thẹn là sao mình chậm-chạp đến thế! Không nói người da trắng hơn mình vì được hoàn-cảnh tốt, vì nhiều đức-tính hay, ngay đến trong bọn da vàng châu Á, có kẻ trước kia chẳng khác chi mình, thế mà chỉ nhờ vì nhanh bước trên đường tiến-hóa mà

nay nghiêm-nhiên giữ một địa-vị vẻ-vang làm cho thế-giới ngày đêm phải đề ý, thậm-chí đến quên cả bọn cùng giống cùng nòi rồi nhần-tâm cả vú lấp miệng em kia nữa.

Đem mình mà sánh với họ, thấy cách nhau một vực một trời, thì bảo sao không thấy tủi! Nhưng thôi thẹn mà chi, tủi nữa mà chi! Nay ta tuy chậm bước kém người, nhưng trên con đường tiến-hóa ta cứ kiên tâm bền chí đi, gặp khó chớ nản lòng, thấy nguy đừng thất đảm, biết đâu một ngày kia ta chẳng kịp người! Mà rồi biết đâu ta chẳng như con rùa của LA FONTAINE tuy nặng-nề chậm-chạp mà đến đích trước con thỏ nhanh-nhẹn lẹ-làng! Đó là một điều hi-vọng của ta, mong rằng sau này sẽ thành sự thực.

Mà nếu ta căn-cứ vào cái dĩ-vãng của dân-tộc ta, ta căn-cứ vào sự tiến-hóa của ông cha ta khi trước thì ta có thể tin rằng rồi thế nào ta cũng đạt được hi-vọng của ta, vì nói cho đúng thì dân-tộc ta tuy ở vào một nơi khí-hậu không được tốt, sống trong một hoàn-cảnh thường không thuận, lại gặp nhiều cái trở-lực gớm-ghe, thế mà cuộc tiến-hóa không bao giờ phải đình-trệ. Đó một phần là nhờ ở dân-tộc ta có nhiều đức-tính hay, như tính khéo móm-phỏng, tính biết phục-thiện, biết tùy-thời, biết hấp-thụ những cái hay, cái giỏi của người; và một phần là nhờ ở công diu-dắt của những bậc giữ cái trách-nhiệm đưa đường chỉ lối cho ta.

d) Nay chiếu theo lịch-sử thì trong cuộc tiến-hóa của dân-tộc Việt-Nam có thể chia ra làm ba thời-kỳ:

- 1^o — Thời-kỳ tự-tiến,
- 2^o — Thời-kỳ Bắc-hóa,
- 3^o — Thời-kỳ Âu-hóa.

II — Những khuyết-điểm làm khó việc kê-cứu

Trong ba thời-kỳ đó thì về thời-kỳ thứ ba là thời-kỳ hiện-tại, ta có thể dùng sự quan-sát mà biết được cuộc tiến-hóa của dân ta. Còn thuộc về hai thời-kỳ trên ta phải căn-cứ vào lịch-sử cùng các cổ-tích cổ-vật mà suy đoán ra, nên thường gặp nhiều sự khó-khăn. Vì sao?

a) Một là trước kia ta không có những tàng-cổ-viện để sưu-tập những cổ-vật có giá-trị, có thể giúp các nhà khảo-cổ nhờ đó mà kê-cứu biết rõ trình-độ những đời trước về các phương-diện công-nghệ mĩ-thuật, hoặc giúp các nhà sử-học nhờ đó mà biết được một cách chắc-chắn những việc hệ-trọng đã xảy ra. Những cổ-vật ấy của nhà nào, nhà ấy giữ riêng làm của báu gia-truyền, không muốn để cho người ngoài được thấy, được dùng, cho đến khi vì một cái tai-nạn bất-ngờ mà của quý phải mai-một đi mất. Đến nay nhờ Chính-phủ Bảo-hộ chỉ bảo, ta mới hiểu rõ giá-trị của cổ vật và mới hiểu ích-lợi của mấy cái tàng-cổ-viện ở Hà-nội, Huế và Sài-gòn. Những cổ-vật đã sưu-tầm được tuy nhiều, song tiếc thay! không đủ để cho ta biết rõ cái trình-độ tiến-hóa của dân-tộc ta về các đời trước.

b) Lẽ thứ hai là các tổ-tích còn lại ở xứ mình phần nhiều chỉ là những đình chùa miếu-vũ, còn những thành-quách lâu-đài của các bậc vua chúa đã xây dựng từ mấy thế-kỷ về trước thì nay khó kiếm cho ra? Nào đâu là thành nhà Lý, nào đâu là điện nhà Trần? Nào đâu là cung-thất nhà Lê? Nào đâu là lâu-đài Chúa Trịnh? Muốn nhìn cho rõ họa chững chỉ ở trong trí tưởng-tượng của nhà tiểu-thuyết. Ta có ít những cổ-

tích như thế là vì ta không biết tồn-cố, không chịu trông nom sang-sửa những cơ-sở tiền-nhân để lại, mặc cho thời-gian cùng mưa gió làm cho tiêu-diệt dần-dần. Có khi lại còn vì lẽ chính-trị mà người ta nỡ đang tâm tàn-phá những cổ-tích có giá-trị về lịch-sử nữa. Khi một họ nào nổi lên chiếm được quyền-chính thì thường việc trước nhất là làm cho tiêu-diệt những vết tích của triều trước, để cho dân-gian không còn tưởng-vọng đến người xưa nữa. Vì thế mà ngày nay trên xứ Việt-Nam mình ngoài các lăng-tăm của bản-triều, ngoài các đình chùa miếu-vũ đã đồ nát hay sửa chữa một cách lổ-lổn, ta khó tìm cho được những cổ-tích có thể giúp ta biết được một cách rõ-ràng cuộc tiến-hóa của ông cha ta về năm mươi thế-kỷ trước. Không như các nước bên Âu, người ta còn giữ được nguyên vẹn những lâu-đài thành-quách từ đời trung-cổ và thượng cổ nữa. Cái gương ấy ta há chẳng nên bắt-chước rui

c) Ta đã hiếm cổ-vật cổ-tích thì ta phải trông vào sử-sách để cho biết vậy. Nhưng khốn thay các sách sử cũ của ta thường soạn theo một cái quan-niệm hẹp-hoài: sử là sử của một nhà, một họ, chứ không phải là sử của toàn-thể quốc-dân. Nhà làm sử chỉ biên chép những việc có quan-hệ đến hoàng-gia, những việc đã xảy ra ở chốn triều-đình, còn những việc quan-hệ đến sự sinh-hoạt của cả quốc-dân thì không hề để ý. Mà chính những việc đã chép vào sử ta cũng khó có thể tin cả được, vì lẽ các nhà làm sử ít người giữ được lòng vô-tư, có sao nói vậy, bình-phẩm một cách công-bình. Phần nhiều vì tư-lợi, chỉ biết một mặt thì nói hay nói tốt cho vua mình thờ, một mặt thì nói xấu nói gièm những vua đời trước, như thế thời

bảo đời sau xem sử còn biết sao được sự thực nữa? Tuy vậy ta cũng có thể nhờ về một vài điều trong sách sử mà phỏng-đoán được cuộc tiến-hóa của dân-tộc mình từ đời thượng-cổ tới nay.

III. — Thời kỳ tự tiến

a) Trước hết hãy nói về thời-kỳ tự-tiến, nghĩa là từ đời thượng-cổ cho đến cuối đời nhà Triệu (111 av. J. C.) khi người mình chưa chịu ảnh-hưởng văn-minh của Trung-quốc một cách sâu-xa. Gọi là thời-kỳ tự-tiến vì dân-tộc Việt-Nam hồi ấy tuy chưa chịu ảnh-hưởng một nền văn-hóa ngoại-quốc nào mà cũng đã tự mình tiến-hóa theo cái luật: mỗi tuổi một khôn, và lúc cần đến tất sinh ra khéo-léo.

b) Về thời-kỳ ấy ta có thể tin được rằng cách sinh-hoạt của tiên-nhân ta lúc đầu cũng hơi giống như cách sinh-hoạt của giống Mọi châu Phi, châu Úc hoặc ở dải Trường-sơn ngày nay, nghĩa là họ không sống một đời cầm-thú như loài người còn ăn lông ở lỗ nữa, song đã lên được một vài bậc trên cái thang tiến-hóa rồi. Họ không ở một cách cô-độc trơ-trọi, mà đã biết kết-đoàn làm thành từng bộ-lạc ở rải-rải trong xứ, dưới quyền tuyệt-đối một viên tù-trưởng. Những bộ-lạc đó khi thì tranh-đấu cùng nhau, khi thì liên-kết cùng nhau, nhưng thường thì vì quyền-lợi mà xung-đột với nhau luôn. Trong một bộ-lạc có nhiều gia-tộc hợp lại mà cách tổ-chức gia-tộc bấy giờ chưa theo phụ-thống như ngày nay mà lại theo mẫu-hệ, nghĩa là các con cái đều theo họ mẹ chứ không theo họ cha. Đó chẳng qua là một cái di-tục từ đời tối-cổ còn lại, vì trước kia loài người chưa có chế-độ hôn-nhân, còn ở vào thời-kỳ lang-chạ, thì con sinh ra không biết cha là ai, lẽ

tất-nhiên là phải theo mẹ. Rồi sau dần-dần không những trong một bộ-lạc quyền chính ở trong tay bọn đàn ông, mà trong gia-đình, người chồng người cha cũng chiếm lấy quyền chỉ-huy tức là cái chế-độ gia-tộc mẫu-hệ chuyển sang cái chế-độ gia-tộc phụ-thống vậy. Về thời đó cách sinh-hoạt bấy còn rất giản-dị: ở thì trước còn dùng các hốc cây hang đá, sau mới biết làm túp cỏ lều tranh, rồi dần-dần dùng đến nhà sàn ở trên đất hay trên mặt nước. Ăn thì hoặc vào rừng săn cầm săn thú hoặc xuống những đầm ao sông ngòi bắt cá bắt cua, sau mới biết dùng các hoa quả rẽ cây. Mặc thì trước dùng lá cây kết lại, hoặc da thú phơi khô, sau dùng từng mảnh vải để che một vài chỗ kín-dáo trong mình. Những khi-dụng thời ban đầu là bằng đất bằng đá, sau dần-dần mới biết dùng sắt dùng đồng, nhưng làm một cách rất thô-lỗ sơ-sài.

c) Ấy đại-khai tổ-tiên mình khi xưa sinh-hoạt một cách đơn-giản như thế trong ngót hai mươi thế-kỷ, cho đến khi bắt đầu giao-thiệp với người Tàu, nghĩa là từ khi có sứ Việt-Nam đem chim bạch-trĩ sang cống nhà Chu (1109 av. J. C.). Từ đó cho đến cuối đời nhà Triệu (111 av. J. C.), vì được thỉnh-thoảng giao-tiếp với người Tàu, nên bắt đầu chịu ảnh-hưởng của văn-minh Trung-quốc. Nhưng cái ảnh-hưởng ấy không được sâu-xa cho lắm, vì trong sự giao-tiếp Bắc Nam vừa nói trên kia, thường chỉ là những cuộc sứ-thần lai-vãng hoặc một vài trận đề tranh quyền cướp vị mà thôi. Tuy vậy từ khi Triệu Đà xưng vương Nam-Việt thì cách sinh-hoạt trong dân-gian, cách tổ-chức việc chính-trị đã thấy ít nhiều thay đổi theo Tàu, vì Triệu Đà là người Tàu thì lẽ tất-nhiên phải vậy. Mà cũng

có lẽ từ hồi đó chữ Hán bắt đầu truyền sang nước ta, rồi dần-dần làm tiêu-diệt chữ chữ ngòong-ngòong mà ông cha ta vẫn dùng từ trước. Đến khi họ Triệu say yếu, nước Việt-Nam bị quân nhà Tây-Hán chiếm-đoạt, sáp-nhập vào lĩnh-thở Trung-hoa, thì cuộc tiến-hóa của người mình bước vào thời-kỳ thứ hai là thời-kỳ Bắc-hóa.

IV. — Thời-kỳ Bắc-hóa

a) Gọi là thời-kỳ Bắc-hóa, vì trong thời-kỳ này dân-tộc Việt-Nam vì giao-tiếp với người Tàu một cách mật-thiết nên chịu ảnh-hưởng của văn-hóa Trung-quốc một cách sâu-xa. Thời-kỳ này bắt đầu từ cuối đời nhà Triệu cho đến cuối thế-kỷ thứ mười chín, hồi nước ta thoát-ly cái chủ-quyền nước Tàu mà chịu dưới quyền bảo-hộ của nước Pháp.

Trong hai mươi thế-kỷ, hoặc khi bị nội-thuộc Trung-hoa, hoặc khi lấy lại được quyền tự-chủ, xét ra lúc nào người mình cũng chịu ảnh-hưởng của văn-minh Trung-quốc về các phương-diện vật-chất và tinh-thần. Một là vì người Tàu trong khi đô-hộ nước Nam dùng cái chính-sách đồng-hóa, ý muốn làm cho dân Nam-Việt rồi ra sẽ quên căn-bản mà đời đời thần-phục Trung-hoa, hai là vì người mình khi ấy biết nghĩa tùy-thời, có lòng phục-thiện, hiểu rằng văn-minh Trung-quốc là một nền văn-minh tốt đẹp hơn, theo ngay thì có lợi, không theo tất có hại, nên vui lòng bỏ cái văn-hóa cũ của mình mà theo học ông thầy khác giống. Đó cũng là một cách khôn-khéo, biết lo xa, của các cụ đời ấy, vì nếu cứ kháng-khăng chống-cự thì biết đâu giống Việt-Nam không vì luật đào-thải mà tiêu-diệt đã lâu rồi ! Biết bao dân-tộc xưa kia cũng văn-minh cũng hùng-cường, chỉ vì không biết theo thời tiến-hóa mà

ngày nay chỉ còn để lại cái tên trong lịch-sử hay một vài vết tích điêu-tàn. Xa thì dân *Chaldéens*, dân *Assyriens*, gần thì dân Chiêm-thành, đó chẳng là những cái tang-chứng gò-m-ghe của cái luật khốc-hại « thích giả tồn, nghịch giả vong » đó ư ?

Vậy thì dân-tộc Việt-Nam không bị đào-thải, cái nguyên-do chính là biết theo thời tiến-hóa, biết hấp-thụ cái văn-minh Trung-quốc về mọi phương-diện như sẽ nói sau đây.

b) Về đường vật-chất thì cách sinh-hoạt hoán-cải, khiến cho được hưởng nhiều khoái-lạc hơn xưa. Nhà ở thì nay đã biết dùng tre, dùng gỗ, rồi dùng đá dùng gạch, làm một cách chắc-chắn rộng-rãi hơn trước. Ăn thì ngoài việc săn-bắn chài lưới, đã biết trồng-trọt cấy-cấy để lấy rau, củ, thóc, gạo mà dùng. Theo trong sử thì là Thái-thú Nhâm Diên dạy dân ta biết cấy-cấy làm ruộng. Nhưng có lẽ dân ta đã biết việc canh-nông từ trước khi bị người Tàu đô-hộ, song lúc đầu thì cách làm ruộng của ta đại-khải như lối người Mọi bấy giờ, nghĩa là đốt rừng làm rẫy và dùng cuộc bừa đá đào lỗ dưới đất để trồng ngô trồng thóc; sau nhờ Nhâm Diên mới biết dùng cây bừa và trâu bò để làm ruộng cho công việc được nhẹ-nhàng hơn. Mặc thì đã biết dùng quần áo thay là cây và da loài vật để che thân, đã biết dệt những thứ vải thô, rồi sau biết trồng dâu chăn tằm, biết ươm tơ dệt thành các thứ lụa để may quần áo. Sau lại theo gương người Tàu định cách phục-sức cho các vua chúa quau dân để cho phân-biệt. — Về đường công-nghệ thời cũng chính ở trong thời-kỳ Bắc-hóa mà người mình biết được thêm nhiều nghề mới, hoặc do người Tàu dạy bảo, hoặc do người mình cố công học lỏm được, như nghề thuộc da

làm giấy dếp, nghề đúc đồng, nghề thợ rèn, nghề làm đồ sứ, nghề in mộc bản v. v.. Về đường thương-mại thì trước kia chỉ biết dùng hàng-hóa đổi lẫn cho nhau, sau mới biết dùng tiền giấy và tiền kẽm, tiền đồng, làm vật đổi-chác cho tiện việc mua bán trong dân-gian.

c) Cái ảnh-hưởng của văn-minh Trung-quốc về đường vật-chất kể cũng to-lát, nhưng cái ảnh-hưởng về phương-diện tinh-thần lại còn sâu-xa hơn nữa, vì nó đã làm cho người Việt-Nam gần đổi hẳn tâm-tinh mà sáp hòa hẳn thành người Tàu. Nếu không có những tay tham-làn như Tô Định, Tiều Tư, dùng cái chính-sách độc ác đối với dân ta khiến cho người mình tuy phục cái hay của văn-minh Trung-quốc mà cũng phải nổi lên chống-cự đánh đuổi quân Tàu, thì có lẽ người mình đã hoàn-toàn biến tính mà không còn cái giống Việt-Nam này nữa. Vậy dân-tộc Việt-Nam mà còn lại đến ngày nay, tưởng bọn Tô-Định, Tiều-Tư cũng có một chút công-lao vào đấy. Vì nếu các quan Tàu đều dùng cái chính-sách nhân-hậu đối với người mình, thì trong hơn mười thế-kỷ ở dưới quyền Trung-quốc làm gì ta chẳng vui lòng quên căn-bản mà đồng-hóa với người. Tuy vậy ta cũng không nên quên ơn những quan Thái-thủ nhân-từ liêm-khiết như Tích-Quang, Nhâm Diên, Sĩ-Nhiếp đã có công khai-hóa cho ta, khiến cho ta liêm-nhiêm được cái tinh-thần của nền văn-minh tối-cổ phương đông kia.

d) Trước hết người Tàu có công đem cái lễ-nghĩ Trung-quốc sang dạy bảo dân ta, làm cho cái xã-hội Việt-Nam trước kia bác-tập hỗn-dộn, nay thành ra có thể-thống trật-tự, mà dân-tộc Việt-Nam thành ra một dân-tộc biết lễ-nghĩa, không còn luộm-thuộm cầu-thả như trước nữa.

e) Cũng thời ấy Hán-học truyền-bá sang ta, mà cái công đầu đã qui vào cho Sĩ-Nhiếp được tôn làm « Nam-Giao học-tổ ». Nhưng ta nên biết rằng Sĩ-Nhiếp không phải là người thứ nhất đem Hán-học sang ta, vì trước hồi đó người mình đã được hưởng-thụ Hán-học rồi. Sĩ-Nhiếp chỉ có công mở-mang việc học-chính trong dân-gian khi giữ quyền Thái-thủ Giao-chỉ mà thôi. Vì việc học mở-mang mà Khổng-giáo thấm-nhập vào nước ta, người mình nhờ thế mà liêm-nhiêm Nho-giáo một cách sâu-xa, nên sau này mới được tiếng là một nước văn-hiến. Cái ảnh-hưởng Hán-học một ngày một bành-trướng, người Việt-Nam hấp-thụ Nho-học một cách dễ-dàng, khiến sau này có người nổi tiếng văn-chương làm cho người Tàu cũng phải kính-phục. Như hồi còn Bắc-thuộc thì có Lý Cầm, Lý Tiến, Trương Trọng thì đỗ được vua Tàu ban chức ban quyền. Còn hồi tự-chủ thì có những sử-thần như Mạc Đĩnh-Chi, Lê Quý-Đôn, Nguyễn Du, những bậc túc-nho như Chu Văn-An, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh-Khiêm, Nguyễn Công-Trừ đều nổi tiếng văn-tài khiến cho người Tàu phải phục mà không dám coi dân Việt-Nam là một giống man-di mọi-rợ nữa.

f) Trong khi Khổng-giáo truyền vào nước Nam thì đạo Lão và đạo Phật cũng theo sang, mà từ đó ta có tư-tưởng về tôn-giáo một cách cao-siêu hơn, chứ không như đời trước chỉ biết sợ-hãi thờ-phụng các tạp-thần như thần Sông, thần Núi, thần Đất, thần Cây, cùng là các ma quỷ như các dân Mường dân Mán bây giờ.

g) Ta lại còn nhờ hấp-thụ được Khổng-giáo mà có một nền luân-lý lấy tam-cương ngũ-thường làm gốc. Cái nền luân-lý ấy tuy ngày nay có

nhiều người công-kích vì lầm chỗ không hợp-thời, nhưng đã có cái công to làm giềng-mỏi cho dân ta trong hai mươi thế-kỷ này, khiến cho trong nhà có trật-tự, trong nước có qui-củ, cái kết-quả là dân-tộc Việt-Nam tuân-tự tiến-hóa càng ngày càng mạnh, có tư-tưởng về nội-giống, về quốc-gia, rồi sau chống-cự cùng người Tàu mà lấy lại cái chủ-quyền đã mất trong hơn mười thế-kỷ. Cái lòng ái-chúng ái-quốc ấy ta cứ xem mấy câu truyền-tụng sau này thì rõ:

10 *Nhiều điều phải lấy giá gương,
Người trong một giống thì thương nhau
cùng.*

Câu này có lẽ từ đời Bắc-thuộc, vì có nhiều kẻ trống bọng người mình dựa vào quyền-thế người Tàu mà xử một cách độc-ác tàn-nhân với dân, nên người đời ấy mới đặt ra câu hát nôm-na mà ý-vị ấy đề cảnh-tính bọn kia.

20 *Nam quốc sơn hà Nam-đế cư,
Tiết nhiên định phận tại thiên-thư;
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*

Đó là bài thơ của Lý Thường-Kiệt làm ra để khuyến-kích quân-sĩ hết lòng chống-cự quân nhà Tống, khiến cho người Tàu không thi-hành được cái mưu chước chiếm-đoạt đô-hộ nước Nam.

30 *« Trước khi hàng giặc xin hãy
chém đầu tôi ».*

Cái lời khẳng-khải này là của vị đại-anh-hùng Trần Quốc-luân, không những có công phò-trợ nhà Trần cho cơ-nghiệp vững-vàng; lại có cái công lớn là cứu được nước Nam thoát khỏi cái bèn tay sắt của quân Mông-cổ nữa.

40 *« Thà làm quỷ nước Nam, chứ
không thèm làm vương đất Bắc ».*

Ồi cái câu mới cảm-động làm sao! Vì hết lòng với vua, mà chịu hi-sinh tính-mệnh chứ không màng đến hai chữ

lợi-danh! Những ai bị cái mối vinh-hoa phú-quí nó cảm-dỗ nổi, đến quên cả nghĩa-vụ, chẳng hay nghĩ đến Trần Bình-Trọng có biết thẹn hay không?

h) Ấy nhờ về ảnh-hưởng của văn-hóa Tàu nên sau ta mới có được những nhân-vật lỗi-lạc như vậy, làm gì mà không thoát-ly cái ách đô-hộ Trung-hoa, được ngót nghìn năm tự-chủ.

Nhưng trong thời-kỳ tự-chủ, kể từ Đinh, Lê, Lý, Trần cho đến hồi sơ Nguyễn, ta vẫn chịu thần-phục nước Tàu, coi nước Tàu là đàn anh mà mọi việc đều theo gương bắt-chước, vì ta yèn tri là cái gì của người Tàu cũng hay cũng tốt, ta cứ việc làm theo hoặc sửa đổi ít nhiều thôi. Từ cách sinh-hoạt cho đến việc học-hành, thi-cử, việc chính-trị, tất đều nhất-nhất phỏng theo cái chế-độ của Trung-hoa. Cũng có một đôi khi nước Tàu muốn ý mạnh mà chực cả vũ-lấp miệng em, nhưng chẳng may ông anh to lớn kia lại gặp phải thằng em cứng đầu cứng cổ, không chịu để cho anh ăn-hiếp nên mới có những trận Hoa-Việt tranh hùng (Tiền-Lê, Lý, Trần, Hậu-Lê, Tây-sơn). Một đôi khi đưa em tuy bé lại muốn chơi trèo, nào Lý Thường-Kiệt vậy đánh Khâm, Liêm, nào Nguyễn Quang-Trung chực lấy lương Quảng, làm cho ông anh phải mất vía kinh hồn.

i) Thế là đối với nước Tàu đã làm chủ mình hơn mười thế-kỷ, nay phần vì sức tự-vệ có thừa, phần vì tài ngoại-giao khôn-khéo, ta không có điều chi lo-ngại lắm. Khi trong nước đã thái-bình thịnh-trị, mà ngoài cõi không sợ kẻ thù xâm-lấn, tất-nhiên là sinh ra cái ý muốn thôn-tính những lân-bang hèn yếu để mở-mang lãnh-thổ của mình. Dân-tộc Việt-Nam về hồi cường-thịnh tránh sao được không có cái chí bá-dồ!

Trước còn thu-phục những dân Mán, Mường ở mạn thượng-du trong nước, để cho trọn việc hợp-nhất đã. Công việc thu-phục này không lấy gì làm khó-khăn, vì các đồng-chủ Mường, Mán trên thượng-du biết sức không sao chống lại được, nên đều xin hàng-phục mà chịu ở dưới quyền kiểm-trị của vua Việt-Nam. Giả-sử các dân nơi sơn-cước mà chống-cự thì tránh sao khỏi những cuộc giết tróc gớm-ghe, có thể làm cho họ đến tuyệt-chủng như ta đã đối với Chiêm-thành, nhưng vì họ biết thân chịu phục, nên ông cha mình xử với họ một cách nhân-đạo hơn, biết thực-hành câu :

Bầu ơi thường lấy bí cùng,

*Tuy rằng khác giống nhưng chung
một giàn.*

Câu ấy tỏ ra rằng ông cha ta đã biết coi dân Mường, Mán không như thù-địch mà là thân-thích trong nhà, nên hết lòng che-chở chứ không nở tan-sát vậy.

j) Thế mà trong cuộc nam-tiến, đối với người Chăm vì sao ta lại xử tàn-nhân để đến nỗi họ có cái nguy tuyệt-chủng? Xét cho đúng chỉ vì họ cũng là một dân đã văn-minh, đã biết nghĩa quốc-gia, chủng-tộc, nên họ không đành lòng chưa thử sức nhau đã bó gới qui-hàng, mới sinh ra những trận gớm-ghe lúc thắng lúc bại trong sáu, bảy trăm năm. Trong khi hai nước Việt-Chiêm tranh quyền cướp đất của nhau, lúc thì dùng võ-lực, lúc thì dùng kỹ-mưu, nên hai bên hết sức thì lại đình-chiến ít lâu, khi tương mạnh binh hùng thì lại đem nhau ra chỗ chiến-trường để thi tài độ sức. Mà người Việt-Nam thường vẫn giữ phần hơn, vì khi không dùng được sức để thắng quân thù, thì lại dùng mưu kia chước nọ để đạt được mục-dịch mới nghe. Có khi lại dùng cả

mĩ-nhan kế, đem công-chúa gả cho vua Chiêm mà lấy đất-dại, làm cho dân đời ấy đã có câu ca dao có vẻ trào-phúng sau này :

*Tiệc thay cây quế giữa rừng,
Đề cho thắng Mán thắng Mường nó leo.*

Nhưng ai cười ai chế mặc ai, miễn là có lợi thì dù có phải dùng cái thủ-đoạn ấy cũng không từ. Sự đó chẳng riêng gì về đời nhà Trần mới có.

Sau khi đã chiếm-đoạt được lĩnh-thò của người Chăm và xó-đuôi họ vào miền rừng núi rồi, thì tiện đường sẵn sức, người Việt-Nam lại tràn xuống phía Chân-lạp mà đánh đuổi người Mên để mở-mang thêm cương-vực. Thành-thủ trong vòng mười thế-kỷ, dân-tộc Việt-Nam phần thì chống-cự lại người Tàu để đòi lại và giữ lấy quyền tự-chủ, phần thì mở-mang thêm bờ cõi về phía Nam, làm cho nước Việt trước kia khu-vũ chỉ có xứ Bắc-kỳ và một phần nhỏ Trung-kỳ, mà đến thế-kỷ thứ mười-chín đã chiếm cả phía đông bán-đảo Ấn-độ - Chi-na, từ biên-giới Lương-Quảng cho đến vịnh Xiêm-la vậy. Cái công-cuộc ấy chẳng vẻ-vang, chẳng to-tát sao ?!

k) Giá cuộc đời cứ thế mà tiến-hành, thế-giới không tiến-hóa và không có những sự cải-cách lớn thì biết đâu ngày nay ta không giữ bá-quyền ở trên cả bán-đảo Đông-dương này.

Nhưng ở đời thường xảy ra lắm sự không ngờ, nó có thể làm xoay chuyển cả vận-mệnh của một dân-tộc. Bất vậy, sự tình-cờ trong lịch-sử làm cho Đông-Tây gặp-gỡ, rồi ta được nước Pháp bảo-hộ, tức là đến lúc cuộc tiến-hóa của ta bước vào thời-kỳ thứ ba vậy.

(Còn nữa)

NGUYỄN VĂN-HIỆU (Giáo-sư)

LÒNG NHI-NỮ

Quang đi chơi về khuya. Sợ mẹ biết, chàng rón-rén đi lên lên gác, đến chỗ cái bàn kê ở giữa gác, vịn to ngọn đèn hoa-kỳ lên, cời áo, bỏ mũ ra, móc túi lấy một gói bánh để xuống bàn, rồi ngồi xuống ghế rót nước uống mà vui vẻ nói :

— Hôm nay đi ăn cỗ phải lấy phần về cho « mẹ đi » đây.

Chàng nói thế là để lấy lòng vợ, vì đã mấy tháng nay, chàng đi chơi khuya về, thường bị vợ kỳ kèo nhất là từ ngày chàng vì quá chơi biếng học mà bị đuổi ở trường sư-phạm đến giờ, vợ chàng lại hay gay-gắt chàng lắm.

Chàng là trai Hà-thành, con ông Tú nho, học có tài mà nhà nghèo, mẹ góa con cô. Nhân có ông bạn đồng-song của bố, nhà giàu, yếu tài học của chàng mà gả con gái là cô Hương cho. Ý ông bố vợ muốn tác thành cho con rể nên người hiền-dụng, có Hương cũng tự-phụ vì mình như những người vợ hiền đời cổ, giúp cho chồng là học-trò nghèo mà học hành đến thành đạt. Cô thường ngâm câu phong-dao :

Tôi là con gái Phụng-thiên,
Bán rau mua bút mua nghiên cho chồng.
Nữa mai chồng chiêm bái rồng,
Bổ công tằm tười vun trồng cho rau.

Nhưng lấy được vợ giàu rồi, chàng cho là người đời chẳng qua là đi tìm mỏ cả, nay mỏ đã đào lên được rồi, tội

gì mà không hưởng, tội gì mà còn phải học-hành cho khổ, rồi sinh ra chơi-bời đến mất cả chỗ học. Nợ-nần đã nhiều, cô Hương, vợ chàng, tuy thất-vọng nhưng vẫn bền gan, ngâm đắng nuốt cay, còn đồng tư-trang nào bỏ ra mà trang trải cả cho chàng và khuyên chàng tu-tĩnh lại mà học-hành, mà chàng nhất-định không nghe. Tuần lễ trước, một tối chàng đi chơi về khuya, vợ chàng gât-gông, hai vợ chồng sinh to tiếng với nhau. Rồi từ hôm đấy trở đi, hai vợ chồng không ai nói với ai một lời. Nhưng vì hôm nay chàng bị có mảy món nợ tiền hát, nợ tiền cờ bạc nó đều thúc ngặt lắm, không xoay-xở vào đâu được, nhân tối đi hát về, chàng nghĩ ra một kế, bèn mua mấy cái bánh đem về vội nói dối là đi ăn cỗ, lấy phần về cho vợ, định làm lành để xoay món tiền đi trả nợ.

Chàng nói thế, rồi bưng cốc nước si-súp uống, vì chàng đang say rượu khát quá.

Cốc nước uống cạn, không thấy vợ nói gì, chàng để cái cốc không xuống bàn cầm lấy gói bánh, gỡ ra mà vui-vẻ nói : « Ở đám giỗ nhà bà tham Xuân, các cô con gái nhà bà ấy làm bánh khéo quá ! »

Rồi cất tiếng gọi :

Thôi xin bà vượt giạn làm lành, mời bà dậy mà ăn bánh, tôi đã lấy phần về cho bà đây.

Cũng chẳng thấy nói gì, chàng quay nhìn vào cái giường màn kê ở mé trong xem vợ có giờ mình không. Nhưng cũng không, cái màn vẫn im phăng-phắc. Chàng liền đứng dậy đi đến giường vừa cười vừa nói :

— Gớm mình chờ mãi / dậy mà ăn bánh, người yêu của tôi ơi !

Màn mở ra. Một sự ngạc-nhiên làm cho chàng sửng-sốt : vợ chàng không ngủ ở đây. Chàng ngẩn người ra rồi cầm phất lẩy cái đèn, đi thẳng xuống nhà dưới, đến đầu giường mẹ, gọi mẹ mà hỏi :

— Thưa mẹ, nhà con nó có ngủ ở trong ấy với để không ?

— Không. . . nó về trong Mọc rồi.

Nghe mẹ nói, Quang lâu-nhau hỏi :

— Sao để lại để cho nó về ?

Bà Tú nói :

— Nó về thì mày bảo tao giữ sao được nó. Lúc tối nó hỏi tao nó về, tao bảo nó đợi mày về đến mai sẽ hay, nhưng nó nhất-định không ở lại. . . Mà cũng chẳng ai hư như mày, chơi bời chẳng thiết gì đến học-hành, để đến phải đuổi, lẽ nào nó chẳng giận.

Nghe mẹ mắng Quang tấm-lức giận-dữ, nhưng chàng không dám cãi lại, chỉ giậm chân một cái rồi ngoắt đi lên gác.

Buồn rầu, chàng gieo mình nằm vật xuống giường mà thở dài một cái thật mạnh. Vừa đặt đầu lên cái gối, chàng thấy một tờ giấy, liền cầm lấy đem ra vặn đèn lên xem, thì là một bức thư của vợ viết bằng bút chì như sau này :

Cậu Quang

Tôi bỏ cậu một cách đột-ngột mà về như thế này thực không phải với cậu lắm. Nhưng vì tôi cực quá lắm rồi,

không thể ở thêm lại được phút nào nữa. Cậu nên biết rằng tôi vâng lời thầy để tôi mà lấy cậu, là vì thấy cậu tuy con nhà nghèo mà có tài học. Tôi cũng muốn hết sức giúp cho cậu để học được đến nơi đến chốn, nên được người hữu-dụng, trước là cậu được về-vang, sau là tôi cũng được trọn bôn-phận làm vợ, nên chẳng dám tiếc gì công của với cậu. Ngờ đâu cậu lại là người vô-chí, chỉ thích ăn chơi, chẳng thiết lập thân. Một người con gái như tôi thì không thể ăn đời ở kiếp được với một người vô-chí như cậu. Vậy xin phép cậu tôi về. Từ nay quyết tuyệt, cậu đừng tơ-tưởng gì đến tôi nữa.

Nay kính thư

HƯƠNG

Đọc xong bức thư, Quang choáng-vàng người như bị tiếng sét đánh mang tai, rồi nằm vật xuống giường như người bất-linh, chàng nằm thiếp đi một lúc rồi chợt tỉnh dậy. Chàng ngồi bó gối trên giường mà vân-vơ nghĩ-ngợi, nào giận người nào trách mình. Bây giờ chàng mới biết đại, cái đại của chàng nó cũng giống như cái đại của trăm nghìn thiếu-niên khác, tình khí nóng nổi không biết nghĩ lập-chí cho thành, nên mới hóa ra những người học thì dở-dở dơ-dơ, chỉ lấy khoái-lạc nhục-dục làm mục-dịch, để dả-lụy cho gia-đình ? Nhưng chàng đâu có hối thì sự cũng đã rồi, bây giờ chàng phải nghĩ thế nào để ngày mai đây thu-xếp cho được yên mọi sự khó-khăn. Vợ chàng đã quyết bỏ chàng thì không khi nào lại bông-dưng mà trở về cùng chàng xum-hạp. Vả cứ xem những lời thâm-hận mà nàng viết trong thư thì đủ biết lòng nàng đã quyết dứt tình phu-phụ. Một việc cần-cấp là vợ chàng đã quyết cùng chàng ly-biệt thì ngày

mai đây, chàng sẽ phải dọn đi chỗ khác ở, vì cái nhà mà chàng ở bây giờ là nhà của người chủ vợ chàng cho vợ chồng chàng ở, ngày mai đây, chàng phải trở lại sống trong quăng đời cũ, một quăng đời mà chàng cũng như nhiều bạn thiếu-niên vẫn cho là eo-hẹp.

Chàng ngồi nghĩ một lúc như đã phát-mình được điều gì hay, vưng đứng dậy, lăm-băm: « được! » Rồi chàng mở cửa sổ nhìn ra đường, vì bây giờ đã gần sáng, và chàng, trong lòng có điều lo nghĩ, nên không thể ngủ thêm được nữa. Chàng đứng ngắm cảnh cho qua thì giờ để đợi mẹ dậy, bàn với mẹ cái việc mà chàng đã quyết làm. Hứng trong cửa sổ, hô-hấp không-khí buổi bình-minh, một thứ không-khí thanh-tân mà lần nay chàng không được dịp hô-hấp. Tự-nhiên chàng cảm thấy tâm-hồn khoan-khoái nhẹ-nhàng như cảm thấy một việc nó đã có thể làm cho chàng được thanh-thời vui sướng.

Một chốc, đèn điện ngoài phố vụt tắt. Quang quay vào, loay xuống dưới nhà, bàn chuyện với mẹ, thì mẹ chàng đã lên. Mẹ chàng hỏi:

— Sao hôm nay con dậy sớm thế?

Bà Tú ngồi xuống ghế, nhìn Quang tỏ ý ái-ngại:

— Thế bây giờ con định thế nào? Có sang tìm nó nữa không?

— Thưa mẹ, nó đã quyết-tuyệt với con thì để bảo còn tìm nó làm gì. Đã ra duyên-sự thế, bây giờ con xin thưa với mẹ vài điều, để mẹ thấy thế nào con cũng xin theo.

— Điều gì, con cứ nói.

— Con muốn nói với mẹ: nếu để có thể xoay-xở buôn bán để cho con lại đi học nữa thì là hay, bằng không thì con đi tìm việc làm, kiếm tháng ít nhiều để mẹ

con nuôi nhau. Còn vợ con thì mặc nó, nó muốn lấy ai thì lấy, con cũng không cần. Con không cần vợ nữa, con chán cái lòng chim dạ cá của người đời lắm rồi để ạ.

Bà Tú thở dài:

— Khốn nạn! mẹ có một con, chẳng lẽ lại không cố xoay-xở cho con học được đến nơi đến chốn, mà để con phải vất-vả long-dong, thì sau này mẹ chết đi cũng không đành lòng. Và bây giờ mặt ít rồi nhiều, con định tìm đâu cho ra việc mà làm. Thì cũng chỉ có một cách là lại đi mà học thêm, nhưng khốn nỗi nhà nghèo quá, biết nhờ vào đâu cho có vốn để mẹ buôn bán.

Nghe mẹ nói, Quang thất-vọng, buồn-rầu, không nói gì.

Một phút im-lặng. Hai mẹ con ngồi nhìn nhau mà thở dài, rồi bà Tú cất tiếng nói:

— Thôi được, con đã có chí thì mẹ nào lại tiếc công. Bây giờ hãy dọn đến thuê một cái nhà nhỏ ở phố Huế mẹ con ở. Rồi mẹ đi hỏi-han những chỗ bạn-hữu mà nhờ lấy một cái vốn để mẹ buôn bán, lần-lảo mà nuôi cho con đi học.

Dọn đến phố Huế rồi, Quang thì nằm ở nhà đợi, bà Tú ngày nào cũng cấp nón đi suốt ngày, tối về lại thở dài nói không ai người ta cho vay cả. Quang buồn-bã không biết là chừng nào. Hôm sau hết bà Tú đi về nói: Có một người bạn là Bà Cú bằng lòng cho mẹ vay một cái vốn để buôn bán mà kiếm lấy đủ nhật-dụng. Còn tiền học và quần áo cùng các phí-tồn về việc học thì bà ấy giúp riêng cho, nhưng phải biên vào sổ, sau học thành đi làm được tiền thì trả dần lại bà ấy, vậy con định thế nào?

Quang mừng rỡ nói:

— Thưa mẹ, thế thì còn gì bằng, con xin học không phụ công mẹ và không phụ ơn bà Cả.

Ngày hôm sau người ta đã thấy Quang cắp sách đi học ở một trường tư.

Thế là từ hôm ấy, Quang đã sống trong cái đời mới của học - trò kiết, nhưng chàng cho là thanh-cao sung-sướng hơn là khi trước chàng sống trong cái đời phiến-hoa lêu-lững. Căn-cứ trong ngót một năm trời, thức khuya dậy sớm, năm sau chàng đậu bằng cao-dẳng tiểu-học. Đáng lẽ thì chàng đã để đơn xin bỏ giáo học hay là thi thư-ký tòa sứ để ra kiếm tiền. Bà Tú nghĩ của ân-nhân là bà Cả nói rằng: Ngày nay mặt ít rỗi nhiều, những việc đó chỉ là cái nghề tạm thời mà câu được cũng khó. Bà Cả còn muốn giúp cho con học lên nữa để được lấy một cái nghề chắc - chắn và có ích hơn. Chàng liền để đơn xin thi vào học ban y-sĩ trường cao-dẳng.

Trong bốn năm trời, nhờ có mẹ vay mượn của bà Cả và bà Cả tư-cấp cho về học-phi, chàng yên-tâm cứ việc cố sức học-hành, chẳng tưởng gì đến vợ. Trước khi thi ra chàng chỉ mong cho Hương sớm lấy chồng đi cho rảnh. Có một lần, chàng đã viết chữ gửi vào Mẹ cho phép nàng đi lấy chồng. Rồi từ đấy, cái hình-ảnh Hương xóa nhòa trong trí nhớ chàng.

Kỳ thi ra, Quang đỗ đầu và được bổ vào lòng sự ngay ở nhà thương Phủ-doãn.

Bấy giờ mẹ chàng nói nói cho chàng biết, bà Cả cho vay vốn và tư-cấp tiền học ấy nhà ở phố hàng Bông, và bảo chàng đem sổ ra tính thì trong năm năm nợ của bà Cả đến hơn nghìn bạc.

Trước hôm đi cung-chức, mẹ chàng bảo chàng cùng đi đến nhà bà Cả để tạ ơn và nhận cứ tháng trả dần món nợ ấy.

..

Chiều hôm ấy.... Quang ăn mặc chỉnh-chắc cùng mẹ đi lên phố hàng Bông. Đến trước một cái nhà hai tầng, bà Tú đập cửa gọi. Người vú già chạy ra mở cửa. Bà Tú hỏi:

— Bà Cả có nhà không?

— Thưa cụ, có ạ! Rước cụ và thầy vào chơi.

Quang cùng mẹ đi vào. Vừa bước chân vào, chàng thấy ngoài hiên kê mấy cái giá hàng mới đóng, trong xếp sẵn đồ hàng như để sắp-sửa khai-trương một cửa hàng.

Vú già khép cửa lại rồi mời mẹ con Quang vào phòng khách. Phòng trang-hoàng sơ-sài nhưng trông có vẻ lịch-sự một cách rất tao nhã; giữa phòng, một bộ ghế sa-lông chạm; trên cái kỷ ở giữa một lọ hoa tươi như hờn-hở nhướn miệng cười chào qui-khách. Liền đó, một cái phòng ngủ, cánh cửa hé mở, Quang liếc mắt trông vào: giữa phòng, một cái giường kiểu tây bằng gỗ, mắc một chiếc màn the màu hồ-thúy và hai lá cửa màn mắc lên hai cái gọng bằng bạc. Một cái tai màn thêu rất tinh-lẽ. Mặt giường có nệm, trên nệm, giải mặt gối, đầu giường một đôi gối thêu. Xung quanh tường kẻ những hòm, tủ áo có gương, và trên tường treo những bức tranh ảnh lồng kính trông rất đẹp, hết thầy đều có trật-tự tinh-khiết. Mà rất lạ một điều là từ giường màn, nệm gối đều như mới nguyên, các đồ vật đều như mới sắm-sửa, rõ như một cái động-phòng để đợi một đôi tài-tử giai-nhân sắp-

sửa lời kỳ hợp-hoan ở dưới bóng đuốc hoa vậy. Quang nghi bụng nhà bà Cả đây có lẽ sắp có tiệc cưới cho con thì phải. Còn đang ngờ-ngẩn thì vút già bưng khay nước ra và nói :

— Xin rửa cụ và ông Đốc xơi nước, mợ... à quên, bà con còn đương giờ làm cơm. Bà con bảo chờ mấy khi cụ và ông Đốc đến chơi, xin mời cụ và ông ở xơi cơm với bà con.

Bà Tú tím tím :

— Được, vù vào nói với bà, bà đã có lòng cho ăn, chúng tôi xin ở lại.

Quang e lệ, bảo mẹ vào xin lỗi bà Cả về, khi khác sẽ đến, vì chàng sợ phiền quấy. Nhưng bà Tú bảo đối với ân-nhân không thể từ chối được.

Một chốc thấy có tiếng giày ở nhà trong nhẹ-nhẹ đi ra, Quang đoán là bà Cả, đứng dậy chấp tay chào. Khi bức màn vén lên, Quang giờ tay loan vái chào, thì bỗng chàng ngăn người

ra không nói được lời nào, vì bà Cả trông giống vợ Quang như tạc. Bà Cả cũng đứng nhìn Quang mà tím-l tím cười. Mẹ Quang đứng dậy giắt tay Quang đến gần bà Cả và nói :

— Đây, ân-nhân của ta đây, con đến mà tạ ân người đi.

Đến bấy giờ Quang mới hiểu rõ lòng vợ. Chàng sung-sướng quá, nhưng vì quá cảm-động cái chí cao của vợ mà không nói được ra lời.

Bữa cơm tối hôm ấy rất vui, vui hơn bữa cổ ngày Quang lấy vợ, nào nổi tan-hợp, chi kiên-nghị, hai vợ chồng thì nhau mà nói.

Cơm nước xong, Quang cùng bà thân cũng ở luôn lại đây, vợ Quang cho người xuống phố Huế xe đồ của Quang về.

Ngày hôm sau trở đi Quang thì đi làm, vợ với mẹ ở nhà buôn bán.

LÊ ĐỨC-NHƯNG



GIA-ĐÌNH GIÁO-DỤC ⁽¹⁾

IV

Giáo-dục về tính cần-kiệm

Cái tính không cần, không những làm hại cho chi-khi trẻ con mà nó lại còn làm hại cho thân-thể của nó nữa. Cái tính không kiệm không những xui cho trẻ con làm phí tiền một lúc bấy giờ mà nó lại còn khiến cho nó sẽ bị khổ-sở vô-cùng về sau.

Những trẻ con con nhà nghèo-tên, cố-nhiên không cần-kiệm không được. Đến như những trẻ con con nhà giàu sang, rót một chén nước, sỏi một bát com cũng sai đây đó. Đợi đi đâu vài bước cũng ngồi xe cuối ngựa. Vì đó mà hai cái tính xấu không cần không kiệm tự-nhiên sinh ra.

Như thế, một là dạy cho đứa trẻ tự làm đôi-hoại chi-khi mình, nó tưởng rằng trời sinh ra cho nó hai cái tay và hai cái chân ấy là chỉ để ngồi yên không phải cử-động đến. Một là đem những cái chân tay rất hữu-dụng của đứa trẻ, khiến nên những cái chân tay bị phè không cất nổi một việc, không bước được một bước, mà thân nó thành ra cái thân tê-bại. Thấy trước mắt sẵn có đây-lớ, ngựa xe, thì cứ tha hồ sai-khiến, coi coi giới g, nhưng có ngẫm đầu tới khi hết của, một việc gì không biết, tài-hèn sức yếu, dù muốn đi làm đây-lớ, làm bồi ngựa phu xe cho kẻ khác cũng không còn có chút khí-lực để làm nổi. Bấy giờ không

những khổ-cực vô-cùng, mà đến chết đói nữa.

Kể làm cha mẹ hiểu được những điều lợi-hại như thế, thì dù nhà có sẵn người, nhưng nếu việc gì mà trẻ con có thể làm được, thế nào cũng chờ để cho nó gọi ai làm hộ. Không những như những việc rót nước, sỏi com, cùng là những việc quét nhà, lau bàn ghế, nấu nước, thổi cơm, cho đến những việc việc trồng hoa, trồng rau, tưới nước và bón phân, cũng đều phải bắt con bé mình tập làm lấy.

Làm như thế không những dạy cho con nhỏ biết cần, mà lại là tập cho nó dần dần dần dần, tập khó-nhọc, cho quen đi mà ít sinh tật bệnh. Làm như thế là: Một đằng gọi lấy chi-khi con trẻ, cho nó biết cái bổn-phận làm con em phải như vậy. Một đằng mãi luyện cần-cốt cho con trẻ cho nó làm lụng cho chân tay thường hoạt-dộng. Một đằng nữa để dạy cho nó nhân đó học lễ-liết, quen giao-nan và thêm học-vấn. Ấy thế là cách dạy về tính cần.

Nay lại nói cách dạy về tính kiệm: Như có sẵn tiền đây, nhưng cũng chỉ cho con trẻ ăn com no mà thôi, không nên mỗi lúc lại mua những quà bánh làm nhảm cho nó ăn. Chỉ cho con trẻ mặc đủ ấm mà thôi, không nên thường hay may thêm những quần áo đẹp cho nó.

(1) Xem Nam-Phong từ số 198.

Như nếu con cái đòi cha mẹ mua quà, đòi may áo đẹp, thì không những không mua không may cho nó, mà lại phải đem nghĩa-lý giảng cho nó biết rằng hiện nó được ăn như thế, mặc như thế, là hậu lắm rồi. Không phải cha mẹ eo tiếc gì con, chính là tích đức cho con. Không phải cha mẹ không có tiền, chỉ là sợ rồi con sẽ thành cái thói hay ăn hay uống. Giảng bảo kỹ-càng kỹ cho nó nghe ra mới thôi.

Ta chớ nên bắt-chước những kẻ làm cha mẹ mà tuyệt vô kiến-thức, coi con cái như ông bà, cốt cho nó được sung-sướng, còn mình thì cam lam thân trâu ngựa để chịu tội với nó. Như thế không những tự mình chịu khổ mà cũng là làm hại cho con cái. Vì cần với kiem là những cái người ta khó theo, mà lười biếng với xa-hoa là những cái người ta hay thích. Lúc bé đã cần quen đi rồi mà lúc lớn lên cũng chưa chắc đã khỏi lười biếng, lúc bé đã kiem quen đi rồi mà lớn lên cũng chưa chắc đã khỏi xa-hoa. Nữa là như những đứa mà cha mẹ đã dạy cho chúng không cần không kiem từ bé đi rồi, liệu cha mẹ có chắc giữ được sẵn tiền để cung cho con phung-phí suốt đời nó không. Nếu có thể như thế được thì kẻ làm cha mẹ cũng không cần phải dạy con cái biết điều cần kiem nữa. Còn như không có thể được, thì phải mau mau dự-bị dạy cho con cái tập quen những tính cần-lao, kiem-ước đi mới được.

Giáo-dục về công-đức

Lòng yêu mình gọi là tư-tâm. Lòng yêu công chúng gọi là công-đức. Người nước ta, ai ai cũng chỉ biết có mình mà không biết đến người khác, vì thế cho nên xưa nay trong nước không có lấy một cái đoàn-thể nào. Ai ai cũng chỉ

biết yêu nhà mình mà không biết yêu đến nước, vì thế cho nên tiếng là nhiều người mà nói đến việc nước thì không ai thiết đến. Đó là bởi không có cái lòng công-đức, cái nết xấu không có lòng công đức ấy nó đã gây ra từ thuở người ta còn bé nhỏ kia rồi.

Cứ xem ngay một đứa trẻ con nào đó. Nếu nó mượn của ai một quyển sách, là nó tự ý bôi nhọ vẽ bậy ngay vào một vài chỗ, xé rách đi một vài tờ, không còn nghĩ gì đến người có sách ấy sẽ bẽ bàng lòng hay không. Nếu ngồi ăn cơm với ai, là nó cầm ngay thìa múc lấy canh, húp một nửa thìa canh còn một nửa thìa canh lại bỏ vào bát canh, không còn nghĩ gì đến người khác thấy thế có ghê hay không.

Có khi người ta nói chuyện bí-mật với nhau mà đã tránh vào chỗ khuất, nó cũng nấp mà lắng tai nghe trộm. Có khi ai đã dặn-dò nó không được mó-máy vào cái đồ vật gì rồi mà nó cũng cố lục-lọi ra để xem cho kỹ được. Khi vào chơi công-viên, nó mấy tay bẻ hoa ngắt quả. Khi đi trên đường cái, nó tự ý khạc nhổ và phóng uế ra đường.

Những thói xấu ấy, nhất là trẻ con nước ta hay phạm đến. Ấy thế mà người làm cha mẹ có trông thấy cũng cho là việc nhỏ không hề gì, mà không biết răn bảo ngay con đi, không biết giảng rõ cho nó biết như thế là chỉ biết có mình mà không biết nghĩ đến có ai nữa.

Cái thói xấu cứ ý tự-do có hại cho công-chúng ấy, từ nhỏ đã tập quen đi rồi, lớn lên thói xấu ấy lại càng phóng-tung mãi ra, rồi có thể đến làm giặc ăn cướp làm hại cho đất nước cho quốc-gia cũng được. Nhân vì có ấy, kẻ làm cha mẹ phải đề tâm khuyên dạy con cái từ bé. Thấy trẻ con mới khởi ra việc gì xem có ý không thiết

gi đến công-chúng, không nghĩ gì đến ai, thì không cứ việc lớn hay là nhỏ, cũng đều phải can-thiệp vào. Và phải đem cái việc nó làm có hại đến người khác ấy, tỉ dụ ngay vào thân nó mà giảng cho nó nghe. Ví như thấy đứa em vẽ bậy vào quyển sách của anh nó, thì bảo ngay anh nó cũng vẽ bậy ngay vào quyển sách của nó vài chỗ, rồi hỏi nó như thế có bậy lòng hay là không. Bấy giờ liền đem cái nghĩa người ta ai cũng một lòng, cái gì mình không muốn ai dãi mình, thì mình cũng đừng đem dãi ai, mà nói cho nó nghe cần-kẻ.

Phải chịu khó dạy bảo, chứ chớ ngại bần, phải gây cho con cái cái lòng công-đức từ thửa bé, thì lớn lên không những nó thành ra một kẻ quốc-dân tốt biết yêu nước, mà nó lại thành được người con không ai khinh-dể, không ai thù-oán, giữ-gìn được gia-phong.

Giáo-dục về nghĩa làm kẻ quân-quốc-dân

Mục này ở Trung-quốc giảng một cách, ở nước ta, ta lại phải giảng đi một cách khác thì mới hợp với hiện-tình mà không bỏ mất cái tinh-thần tất-yếu về giáo-dục.

« Quân » nghĩa là lính. Người trong một nước ai cũng ra làm lính được cả thì mới gọi được là nước « quân-quốc ». Ai cũng làm trọn được người dân trong nước quân-quốc ấy thì mới gọi được là « quân-quốc-dân ». Lính tức là dân, dân trong nước ai cũng có thể làm trọn được một kẻ quân-quốc-dân thì nước ấy mới có thể tạo nên một nước quân-quốc được.

Cái lệnh « cử quốc đương binh » ngày nay thi-hành đã khắp các nước. Nước nào mạnh đều là nước quân-quốc, mà dân nước ấy đều xứng-đáng

làm kẻ quân-quốc-dân, Trung-quốc nước lớn dân nhiều mà nước chưa thành nước quân-quốc, là do dân chưa làm nổi bổn-phận kẻ quân-quốc-dân đó thôi. Cũng vì có ấy mà nay người Trung-quốc đã đem nghĩa quân-quốc-dân giảng vào trong sách gia-dinh giáo-dục.

Nước ta tuy là nước Hảo-hộ, việc giữ-gìn bờ cõi do Nhà-nước Bảo-hộ chủ-trương, nhưng cái nghĩa-vụ làm dân phải ra lính, cung vào việc giữ-gìn bờ cõi, người nước ta cũng không khác gì người nước khác. Lính nước ta lại còn phải xông-pha làm nhiều việc hơn, như hồi đại-biến ở bên tây, lính súng lính thợ của ta sang giúp nước Đại-Pháp ở nơi chiến-tràng, ở trong xưởng thợ, đóng biết bao. Lại thường-thời do nước Đại-Pháp cho lính ta đi dẹp những nơi thuộc-địa, thuộc-quốc khác, đi đóng những dinh Sứ-thần ở bên Tàu. Nếu lính nước ta mà hư-hèn thì sao trọn nghĩa-vụ giúp những việc ấy.

Phương-chi muốn giữ hòa-bình ở cõi Thái-bình-dương từ nay về sau, việc quốc-phòng của nước ta, không phải là không quan-hệ. Vì vậy Nhà-nước Bảo-hộ gần đây đã rục-rịch thi-hành cái lệnh « cử quốc đương binh » cho nước ta. Muốn làm trọn nghĩa-vụ mình, người dân nước ta không biết dự-bị tu luyện từ giờ không được. Vậy thì sách Gia-dinh giáo-dục này, giảng thêm về nghĩa quân-quốc-dân chính là hợp-thời.

Muốn gây nên cho người dân có cái tư-cách làm kẻ quân-quốc-dân, phải dạy bảo luyện-tập cho chúng từ thửa nhỏ. Theo ba phép sau này :

1^o — Phải giảng dạy cho trẻ con biết rằng người ta phải nhờ nước mà ăn ở và sống còn. Nghĩa-vụ làm dân đối với nước ai cũng là dân, ai cũng

phải ra lính để giữ lấy nước. Khi đã ra làm lính rồi, lính vốn là dân mà lính lại ăn lương của dân đã đóng góp, thì nghĩa-vụ người lính phải giúp nước, bênh-vực cho dân. Vì thế trước phải khuyến-khích cho con trẻ những đức-tính không ngại nguy-hiểm, không sợ tử sinh, không từ lao-khổ ở nơi quân lính, để gây lấy cái chí-khí làm dân cho chúng.

20— Phải luyện-tập về thân-thể cho con trẻ. Trừ những việc nguy-hiểm ra, phải bắt cái tay của chúng làm nhiều việc, cái chân của chúng phải đi lại nhiều. Bụng của chúng phải chứa ít đồ ngon; quần áo, cửa nhà, đồ dùng của chúng cốt đủ dùng mà chớ cầu đẹp. Phải cho chúng tập thể-thao nhiều, chịu quen tân-khổ, tóm lại cái gì đưa trẻ làm được cũng đều dạy cho đủ.

Nghĩ như thế, các ngài muốn gây cho con trẻ nên quân-quốc-dân, thì chớ dạy nó như cách dạy con gái. Nghĩa là phải luyện cho nó quen bạo-dạn, ưa chất-phác, ăn to nói lớn, mặc thô làm khỏe, chứ đừng để cho nó quen cái lối nhỏ-nhẽ, thướt tha, bóng-dáng, rụt-rè như kiểu đứa con gái nhà trưởng-giã mà sau nó không kham nổi cái phạn-sự đương-binh.

30— Phải dạy cho con trẻ biết phục-tùng qui-cử. Phục-tùng là việc đầu của đạo làm lính. Như đứa trẻ nào khi ở nhà không vâng lời cha mẹ dặn bảo, cha mẹ dặn một đằng thì nó lại đi một nẻo, từ bé nó phóng-dăng đã quen, thì lớn lên nó làm người dân tất là người dân không hết bốn-phận, không chịu làm ăn. Lúc nó đi ra lính tất là tên lính ngang-ngược không tuân kỷ-luật. Vậy các ngài muốn cho con em sau làm được người lính tốt thì phải dạy cho chúng biết phục-tùng từ nhỏ.

Cha mẹ sai bảo gì không được sai một tí, đi đâu phải xin phép nói rõ là đi chỗ nào. Về phải đến trình mặt. Có gọi đến mới được đến trước mặt. Không bảo đi lên không được đi lên, không bảo lui xuống không được lui xuống. Những qui-cử ấy đều là những qui-cử cổ để dạy trẻ con mà Hồng-phương đã có từ xưa.

Từ là những qui-cử đã giảng rất nhiều ở trong một quyển sách cổ gọi là Lễ-ký. Coi đó thì biết cái cách cổ-nhân dạy con em ở trong nhà đều là những qui-cử người ta dạy quân lính ở trong dinh trại bấy giờ đó. Người ta cứ mở sách ra chiếu theo cho đúng mà dạy, không một việc gì để dong-lùng cho con em. Ở nhà dạy cho nó nên một đứa nhỏ ngoan-nguẩn vâng lời, sau này vào trại, thế nào nó cũng nên một người lính rất phục-tùng, rất có danh-dự. Thân-thể đã khỏe-mạnh sẵn, qui-cử lại phục-tùng quen rồi, ngày mai ra gánh việc quân-ngũ thế nào không gánh nổi. Không những thế mà lại còn là một người lính có dũng-khí, trọng kỷ-luật nữa. Khi vào trận tất không chịu quay đầu lại.

Vì bằng khi không vào quân-dội đi nữa, nhưng đã hiểu cái nghĩa dân là lính, dân đối với nước phải thế nào, tất chúng sẽ hết sức làm những việc bang-trợ cho quân-lính, lo hiến tài-lực mà báo đền cho quê-hương.

Trước mặt trẻ con, cha mẹ phải cần-thận lời nói việc làm

Khi con trẻ ở trước mặt, cha mẹ nói chuyện với ai, nhắc đến đứa con nhà nào mà bảo đứa ấy rất ngu-dại, thế là con mình nó nghe thấy mà lòng nó tự sinh ra kiêu-ngạo. Cha mẹ nói chuyện với ai, phở ra nhà nào giàu

sang, con cái nhà ấy ăn mặc những áo nọ áo kia, thuật ra tường-tận, thế là con mình nghe nói, nó tự sinh ra cái bụng hăm-mộ những sự thể-diện bề ngoài. Đối với người phú-quí, cha mẹ cung-kính một cách đặc-biệt, con cái trông thấy, nó tự sinh ra cái lòng trọng thể-lợi. Đối với người nghèo-hèn, cha mẹ có ý khinh-dễ, con cái trông thấy, tự sinh ra cái lòng kiêu-bạc.

Bởi những duyên-cớ ấy, kẻ làm cha mẹ, không những khi ở trong nhà với nhau phải cần-thận từ từng lời nói việc làm. Mà khi cùng bạn-hữu nói gì làm gì, có trẻ con đứng ở trước mặt, cha mẹ cũng phải đề ý mà giữ-gìn.

Nếu vạn-nl ất lỡ lời nói đến sự gì mà sợ con cái nó sẽ hiểu lầm, thì rồi phải giảng lại cho nó hiểu. Ví như mình nói với ai rằng con nhà nào ngu-xuẩn lắm. Thì rồi phải bảo lại cho con cái rằng: Mày đừng tưởng mày là thông-minh đâu, nếu mày không chịu khó thì rồi mày cũng ngu-xuẩn như đứa con nhà ấy không khác gì. Rồi người ta cũng bí-báng mày, bí-báng lấy cả đến cha mẹ mày như thế.

Phải một đảng tự mình cần-thận lời nói việc làm. Một đảng dễ-phòng cho con cái khỏi hiểu lầm. Thỉnh-thoảng lại đưa con cái đi ra ngoài chơi, mà phải đề ý xét xem con mình với con nhà người ta nói-năng cử-động khác nhau thế nào. Về đến nhà

trước đem những điều nói-năng cách cử-động của con mình chỗ nào là hay chỗ nào là dở ra mà phân-biệt chỉ-bảo cho nó biết. Chỗ hay thì khen cho nó, chỗ dở thì khuyên-răn nó đi. Bấy giờ lại đem những điều nói-năng, cách cử-động của con nhà người ta ấy mà phân-biệt chỉ-bảo cho nó biết tất cả hay dở là thế nào. Chỗ hay thì khuyên nó bắt-chước lấy, chỗ dở thì răn nó chớ nên theo.

Kẻ làm cha mẹ đã dụng-tâm được khi ở nhà, lại đề ý được khi ra ngoài; đã cần-thận được lời nói việc làm của mình, lại xét biết được lời nói việc làm của con cái, như thế mới là làm hết bổn-phận dạy con.

Dạy-dỗ con cái cũng như phòng-bị nước lụt. Xung-quanh bốn mặt chỗ nào nếu chỉ thùng một cái lỗ nhỏ là nước đủ chui vào mà làm vỡ lở lai-lãng. Vậy mới thấy có chỗ hơi rỉ, lập tức phải nhét cho kín đi, không thể nào mà sơ-suất khinh-thường được. Vậy thấy con cái đã hơi thò ra nứt xấu gì là phải hết sức ngăn cấm, khuyên răn kỹ cho nó chừa hẳn đi mới thôi. Ngạn ta có câu: « Con hư bởi tại cha dung », thực thế. Mà không những cha mẹ dung nên con hư, chính con hư là bởi theo gương xấu của cha mẹ vậy.

(Còn nữa)

ĐỒ-NAM dịch-thuật



KHẢO VỀ LUÂN - LÝ

HỌC-SÙ' NƯỚC TÀU (1)

XVI

TIẾT THỨ IV. — Phật-giáo về thời- đại Lục-triều

Phật-giáo từ đời Minh-đế nhà Hán truyền lại, mãi cho đến đời Tam-quốc thế-lực mới dần mãi ra. Đời Tam-quốc có một nhà sư người nước Khang-cư, tên là Khang Tăng-Hội, mới sang đất Kiến-khang giảng-thuyết cho Tôn-Quyền nghe. Quyền mới cảm-dộng về Phật-thuyết, sai lập lên chùa Kiến-khang, Phật-giáo ở đất Giang-nam nước Tàu bởi đó mới hưng thịnh dần lên. Sau đời Tam-quốc Phật-giáo vẫn được các đời vua chúa có thế-lực ủng-hộ cho, nên cái khí-thế cũng mạnh dần lên. Đến đời vua Nguyên-đế, Minh-đế, Thành-đế nhà Tấn đều tin-ngưỡng Phật-giáo, cho nên Phật-giáo lại càng thịnh, nhiều các nhà sư có danh tiếng ra đời, truyền-bá ra các tông-phái. Mà nhất là từ khi La-Thập là một vị sư có tiếng mới giảng-giải về kinh *Đại-thặng*, Phật-giáo ở nước Tàu từ đó mới phát-biến. Nhà Đông-Tấn mất đi rồi, trong nước Tàu chia làm Nam Bắc hai triều, Nam-triều là vua Tống Văn-đế, tôn-sùng nhà sư Huệ Lâm, cho được tham-dự triều-chính, đời bấy giờ gọi là một

vị « hắc-y tế-tướng », bởi thế bọn tăng-lữ mới có cái quyền-lực ở trên đường chính-trị. Bắc-triều thì vua Võ-đế nhà Hậu-Nguy tôn-tín Đạo-giáo, muốn diệt cả Phật-giáo đi, bởi thế thế-lực Phật-giáo không được phồn-cập dễ-dàng như ở bên Nam-triều. Đến khi vua Văn-thành-đế lên ngôi, lại hết sức tường-lệ Phật-giáo, khi-vận Phật-giáo tự dấy lại chấn-hưng lên. Xem thế thì Phật-giáo ở về đời Nam Bắc lưỡng-triều truyền-bá đã rộng, tự bậc vương hầu cho đến kẻ thứ-dân đã nhiều người tin theo.

Phật-giáo truyền bá rộng khắp mới chia ra các tông-phái, chủ-yếu có những phái sau này :

1) Tam-luân tông 三 論 宗 ; 2) Thành-thực-tông 成 實 宗 ; 3) Nát-bàn-tông 涅槃 宗 ; 4) Địa-luận-tông 地 論 宗 ; 5) Tịnh-thò-tông 淨 土 宗 ; 6) Thiền-tông 禪 宗 ; 7) Nhiếp-tông 攝 宗 ; 8) Câu-xá-tông 俱 舍 宗 ; 9) Thiêu-thai-tông 天 台 宗 . Tự-trung tông Tam-luân và tông Thành-thực thì lấy ông La-Thập làm thủy-iở ; tông Nát-bàn thì lấy ông Đàm vô-Thức ở Thiên-trúc làm thủy-iở ; tông Địa-luận thì vua Tuyên Võ-Đế đời Hậu-nguy có sai mấy vị sư là

(1) Nguyên-văn của người Nhật Tam-phổ dâng-tác, Trương Tôn-Nguyên, Lâm Khoa-Đường dịch ra Hán-văn. Xem Nam-Phong từ số 168.

Thiên-Trúc, Đạo-Hi, Bảo-Ý, đem dịch-thuật ra. Tông Tĩnh-thò thì lấy ông Đàm Loan làm thủy-tò. Thủy-tò tông Thiên-Thai thì tôn ông Trí-Khải ở Thiên-thai.

TIẾT THỨ V. — Tư-tướng điều-hòa về thời-đại Lục-triều

Tư-tướng Phật-giáo khi bấy giờ đã lan khắp cả đất nước Tàu, cung tiếp-xúc với cái tư-tướng về Nho-giáo Đạo-giáo tự cổ truyền lại. Ba cái tư-tướng ấy mới sinh ra tranh-loát nhau, mà phát-sinh ra một tư-tướng mới tức là cái tư-tướng tam-giáo điều hòa, như ở đời Bắc-Tề có ông Nhan Chi-Thôi mới xướng lên cho kinh Phật là uội-diễn, sách Nho là ngoại-diễn, nội-ngoại hai diễn hợp làm một thể, tức là cái tư-tướng điều-hòa đó. Ý-kiến của các học-phái điều-hòa sẽ kể như sau :

Tôn Xước 孫綽 — Người nước Tấn, tên tự là Hưng-công. Ông là người bác-học, văn-chương hay, lại giàu về tài thơ-từ, có làm ra sách *Tôn-dinh-ý-lập*. Khi bấy giờ tư-tướng Phật-giáo tràn đi khắp mọi nơi, Tôn-Xước hết sức nghiên-cứu, mới xướng lên cái thuyết Nho Phật đều là nhất-trí, có nói rằng : « Ông Châu ông Không tức là Phật, mà Phật tức là ông Châu ông Không, chẳng qua chỉ khác cái danh nội-ngoại mà thôi. Vậy nên ở đời hoàng thì là đạo hoàng, ở đời vương thì là đạo vương. Chữ Phật là tiếng phàm, đời Tấn thích nghĩa là giác, nghĩa chữ giác tức là giác-ngộ vậy ; cũng như thầy Mạnh-Kha lấy bậc thánh-nhân cho là tiên-giác, cái ý cũng là một cả. Còn như ứng-dụng ra đời để làm khuôn cho mọi vật thì lại phải tùy thời. Ông Châu ông Không cốt cửa lấy thời-tế ; mà Phật-giáo là cốt phát-minh cho rõ căn-bản mà thôi, tuy đầu đuôi có khác nhau mà cũng là nhất-trí cả.

Trương Dung 張融 — Người ở Ngô-quan, tên tự là Tư-Quang, sinh về đời vua Văn-đế nhà Tống năm Nguyên-gia thứ hai-mươi-mốt (444), mất về đời Minh-đế nhà Tề năm Kiến-vô thứ tư, (487), thọ 53 tuổi.

Ông một đời sinh-nhai đậm-bạc, tự mệnh là một kẻ dật-dân trong trời đất, có nhiều cái kỳ-hạnh lạ-lùng khi gần mất có dặn lại để bên tay trái cầm sách *Hiếu-kinh* và sách *Lão-tử*, bên tay phải thì cầm lấy kinh *Pháp-hoa tiếu-phẩm*. Ông có làm ra sách về thể nghị-luận để biện-bác với Châu Ngung.

Ông Trương Dung cho rằng Nho, Đạo, Phật, tam-giáo đều là côn-bản nhất-trí, nhưng Châu Ngung luận về Đạo-giáo Phật-giáo nhất-nguyên, thì bảo rằng Đạo-giáo với Phật-giáo đều là tịch-nhiên bất-dộng, côn-bản đều là một, chẳng qua cái hình-thức nó phát hiện ra có khác mà thôi. Trương Dung lại thí-dụ rằng xưa kia có con chim hồng một cánh bay múa ở trên trời, người Việt trông thấy cho là con le, người Sở trông thấy cho là con ngỗng. Tuy sở-kiến khác nhau, hoặc bảo là le, hoặc bảo là ngỗng, nhưng con chim hồng kia nó vẫn y-nhiên là chim hồng, là vì chỉ trông thấy cái hình-tích mà chưa xét đến gốc, cho nên mới sinh ra tranh-biện đó mà thôi.

Châu Ngung 周顒 — Người nước Tống, tên tự là Ngạn-Luân, học rộng cả trăm nhà, mà thâm-hiểu Phật-lý hơn, có làm ra bài *Tam-tông-luận*. Ông có cùng với Trương-Dung biện-luận suốt và ngày không thôi. Tuy cùng với Trương Dung cũng đều nhận là tam-giáo nhất-trí cả, nhưng cái bài luận của ông bàn về Đạo-giáo Phật-giáo đều thông một nguồn thì lại có ý khác. Tuy bảo rằng cái côn-bản

CHƯƠNG THỨ TƯ

Tư-tưởng luận-lý về đời Tùy

TIẾT THỨ I.—Tóm đại-khái

Bắc-triều nhà Bắc-châu kiếm-tính cả nhà Bắc-Tề, chưa được bao lâu lại bị phải họ ngoại-thích là Dương-Kiến lại cướp mất ngôi nhà Bắc-Tề, và diệt cả nhà Trần Nam-triều, thống-nhất cả Nam Bắc mà lập nên một đại-đế-quốc, ấy là vua Tùy Văn-đế. Văn-đế đóng đô ở Trường-an, nghỉ-ngơi nuôi lấy sức cho dân, đến đời con là Dương-đế mới chuộng thói hào-xa, đặt ra ly-cung, khai kênh vận-hà, khởi quân đi đánh các nước ngoài, dễ gây ra loạn ở trong nước, Dương-đế mới bị thi ở đất Giang-dô. Bởi thế uy-quyền nhà Tùy đều sa-sút hết cả, mà bị phải nhà Đường diệt mất.

Nhà Tùy từ Văn-đế thống-nhất cả thiên-hạ, mới được ba mươi sáu năm thì bị diệt, không được bao nhiêu đời; cho nên học-thuật và tư-tưởng ít có điều khả-quan. Còn kẻ thuần về mặt văn-học thì cũng nhiều người nổi tiếng văn-thơ hay, như là Lý Đức Lâm, Lư Tư-Đạo, Ngưu-Hoảng, Tiết-Đạo-Hành. Tư-tưởng về luân lý mà khả-truyền lại chỉ có một mình Văn-trung-tử mà thôi.

TIẾT THỨ II.—Văn-trung-tử 文中子

Vương-Thống 王通.— Tên tự là Trọng-Yêm 仲淹 tên thụy là Văn-trung-tử. Năm Khai hoàng nguyên-niên (589) đời nhà Tùy, ông sinh ở đất Long-môn quận Hà-dông, oăm Nghĩa ninh thứ 2 (618), ông thọ 38 tuổi thì mất. Khi nhỏ ông có tài phi-phàm, siêng năng cố gắng, hết sức học thông cả sáu kinh. Ông ôm cái chí cứu đời giúp dân. Năm Nhân-thọ thứ tư (601) ông đến đất

Đạo-giáo Phật-giáo đều là tích-nhiên bất-dộng, nhưng cái hư-vô của Đạo-giáo với cái hư-vô của Phật-giáo nó có khác nhau. Cái hư-vô của Đạo-giáo là kể về phần hình-thức, còn cái hư-vô của Phật-giáo thì về phần pháp-tính mà tức là thực-tại đó. Trương-Dung thì nói hư-vô của Đạo-giáo với pháp-tính của Phật-giáo cùng là một, nhưng cái thuyết của Châu-Ngong thì lại có phần tiến-bô hơn Trương-Dung.

Cổ-Hoan 顧歡.— Người ở Ngô-quận, tên tự là Cảnh-Di, ông nhà nghèo chận khó học, tinh-thông cả Phật-giáo Đạo-giáo. Ông thường ăn-dồn không ra làm quan, dạy học ở núi Thiên-thai. Về văn-niên ông tiết bớt sự ăn sự mặc không có giao-tiếp với người đời. Mất về năm Vĩnh-minh, thọ 45 tuổi. Ông có làm ra sách *Lão-tử hiển-trị cương*, *Lão-tử nghĩa-sơ*, và bài *Di-hạ-luận*, có chú-thích lời hê-từ trong sách *Châu-dịch* và sách *Luận-ngữ*. Bài *Di-hạ-luận* là lời hai phái Phật-giáo Đạo-giáo chê-bại lẫn nhau, đó là cái sách tư-tưởng điều-hòa của Cổ-Hoan vậy.

Cổ-Hoan nói rõ Phật-giáo Đạo-giáo đều là nhất-trí, nhưng cái đại-ý cho hai giáo ấy về phần đạo hình-nhi-tượng thì giống nhau, còn về phần khí hình-nhi-hạ thì khác nhau. Phật-giáo nói chính-chân, Đạo-giáo nói chính-nhất; chân là qui về vô-sinh, nhất là qui về vô-tử, đều là tuyệt-đối cả. Danh tuy khác nhau mà thực thời cũng như nhau. Hay thể-nhận được cái lẽ tuyệt-đối là bậc thánh-nhân. Tuyệt-đối đều là một cả, duy lúc phát-hiện ra thời khác. Vậy nên Khổng-tử, Lão-tử, Thích-già, cái danh tuy khác nhau nhưng đều là một bậc thánh-nhân, hay thể-nhận được cái lẽ duy-nhất tuyệt-đối cả.

Trường-an vào hải-yết vua Văn đế, dâng Thái-bình-sách 12 điều. Văn-đế xem hải sách lấy làm thần-phục lắm, nhưng chưa thi-dụng ra được điều gì. Sau ông cáo về ở làng chuyên việc dạy-dỗ học trò, những người phương xa nghe tiếng theo nhau đến cửa xin học rất nhiều. Những kẻ công-thần đời nhà Hường nhiều người là học-trò ông cả, ông có làm ra sách *Lễ-luận* 25 thiên, *Nhạc luận* 20 thiên, *Tục-thư* 150 thiên, *Thi* 360 thiên, *Nguyên-kinh* 50 thiên, *Tán-dịch* 70 thiên, tức là sáu kinh của họ Vương vậy. Song những sách ông làm ra tan mất đi cả, nay hiện còn sách *Nguyên-kinh*, nhưng đó là sách giả-dối. Sách của họ Vương còn lại duy có 10 thiên *Trung-thuyết*, ví như sách *Luận-ngữ* là tự học-trò biên tập lại. Nhưng sách ấy mô phỏng lời nói ông không quá lắm, nên cũng có người bài-bác.

Kể về thông-hệ học-thuyết thì Văn-trung-tử thuần là đồ-thuật về Nho-giáo. Đời Tày dương lúc đạo Phật thịnh-bành, Nho giáo suy kém, Văn-trung-tử mới phấn-khởi lên mà cõ-xuýt cho Nho-giáo. Đời ấy những kẻ học-giả chỉ đua về học rộng văn hay, Văn-trung-tử biết rõ cái tệ ấy mới phát-buy cái chân-tinh-thần của thánh-giáo, để cứu vớt cả xã-hội đạo-nghĩa tồi-tàn. Thế thì ông ấy là người phục-hưng Nho-giáo hay là cách-lân Nho-giáo, đồng-thời lại làm một nhà luận về chính-trị kinh-thế.

Thuyết luân-lý. — Thuyết luân-lý của Văn-trung-tử là thiện-thuật Nho-giáo mà lấy cái đạo trung, truyền tự đời Nghiêu Thuấn trải các bậc thánh-niên đều lấy làm trọng, để làm cái chỗ yếu-diểm cho học-thuyết mình. Thuyết về luân lý hay thuyết về chính-trị đều là giải-thuyết cho chữ trung cả.

Văn-trung-tử chia tính người làm ba phần: thượng, trung, hạ; cho rằng người ta khá bởi cái sức học-vấn mà làm nên được bậc thánh-nhân. Và nói các mục-dịch của học-vấn là cốt làm cho hoàn-thành nhân-cách mà nên bậc thánh nhân, những kẻ chỉ đua về học-rộng văn hay, không phải là chân-học-vấn vậy. Kẻ học-giả khi ấy chỉ cầu-nệ văn-học, Văn-trung-tử mới nói cho phá cái tệ ấy đi, thực là trách-kiến lắm thay.

Văn-trung-tử luận về nghĩa-vụ thì lấy cái thuyết ngũ-luân, luận về đức thì lấy cái thuyết ngũ-thường. Ngũ-luân thì trọng nhất cái thuyết tam-cương của Hán-nho, nghĩa là vua làm cương cho bề-tôi, cha làm cương cho con, chồng làm cương cho vợ. Trong năm đức ngũ-thường thì trọng nhất đức nhân đức nghĩa, cho nhân nghĩa là gốc sự giáo-dục, nhất-ban đạo-đức đều bởi đó mà sinh ra, lại lấy lễ với nhạc để giúp đỡ cho đức nhân nghĩa. Ông lại lấy điều trung hiếu cho làm một cái đạo-đức phải thực-tiễn, có thuật cái thuyết điều trung với điều hiếu quan-hệ với nhau rằng: «Lúc đã lập được điều hiếu thì điều trung cũng thỏa». Đó là tỏ ra rằng điều trung hiếu là cái đạo-đức cùng một gốc cả. Còn như ông bàn về chính-nghĩa về trung thứ, phát-biểu ra những điều phải thực-tiễn lấy đạo-đức, có nhiều ý kiến rất hay.

Thuyết luân-lý của Văn-trung-tử, rõ là thuộc về dòng Nho giáo chính-hệ, nhưng cũng chịu phải cái ảnh-hưởng lúc bấy giờ, nên có pha lẫn một ít tư-tưởng họ Lão họ Trang. Như là ông bảo rằng người nào hay quên cả sự sống chết và sự được mất là bậc chí-nhân, đại-khải như những thuyết ấy vậy.

Thuyết chính-trị. — Văn-trung-tử ôm cái tư-tưởng ra trị nước giúp đời

nên cái mục đích cổ-dộng Nho-giáo của ông không phải là vì học-vấn mà phải học-vấn, là cốt làm sao cho Nho-giáo phổ-cập để khôi-phục lại cái trật-tự xã-hội từ đời Lục-triều rối-loạn đến nay, mong cứu vớt lấy nhân-dân trong thiên-hạ, đó là cái lý-tưởng ông mong cho vương-đạo thực-hiện, mà muốn làm cho thực-hiệu vương-đạo thì phải cần làm cho Nho-giáo phổ-cập. Ông thường nói rằng: « Nếu đời mà dùng ta ra, ta lại làm những công việc làm của ông Châu công ». Khi ông còn nhỏ có làm bài « *Thái bình sách* » dâng lên vua Văn-đế, khá biết ông là người học-giả, giàu cái kiến-thức về đường chính-trị.

Cái thuyết chính-trị của Văn-trung-tử là lấy đạo trung làm cái nguyên-lý cốt rễ, cũng giống như thuyết luân-lý; ông bảo rằng muốn làm cho thực-hiện vương-đạo thì không ngoài đạo trung được, có nói rằng: « Khi thiên-hạ nguy thì mình làm yên cho thiên-hạ, khi thiên-hạ sai-lầm thì mình chỉnh lại cho thiên-hạ; thiên-biến vạn-hóa, ta vẫn thường giữ lấy đạo trung vững-vàng chẳng động, mà không cảm đến đâu là chẳng thông, đó mới gọi là đế-chế ». Xét như cái tư-tưởng ấy thì biết đạo trung là cốt khiến cho người trong xã-hội đều theo về đạo chính. Đạo ấy tuy

có tùy thời tùy nơi mà thay đổi, nhưng hay giữ vững đạo ấy để ứng-biến mọi việc thì phải là người chí-đức. Ông lại nói rằng: « Xét lời nghị luận là để cho hết lòng thiên hạ ». Lại rằng: « Đấng thiên-tử xét lời nghị-luận là cốt để nghe xem cho rộng ». Xem thế thì biết ông cũng thừa-nhận cái chế-độ chúng-nghị

Lời kết-luận. — Văn-trung-tử rồi-nơi Nho-giáo mà cổ-dộng cho rộng thêm ra, nhưng ông không có bài-xích Đạo-giáo và Phật-giáo, ông thường lấy cái thái-độ công-bình để phê-bình, và thừa-nhận cái chỗ cỗi rễ đều là nhất trí cả. Ông cho đạo trung là cái nguyên-lý căn-bản để trị đời, đạo trung tức là cái đạo để chỉnh thiên-hạ. Cứ xét về cái đạo để chỉnh thiên-hạ thì Đạo-giáo Phật-giáo Nho-giáo đều lấy một đạo trung làm cái nguyên lý căn-bản để trị đời, tam-giáo đều là nhất-trí cả. Nhưng xét lại thì Đạo-giáo và Phật-giáo về cái đạo tu-tề tri-bình không bằng Nho-giáo, thế thì không bay bỏ Nho-giáo mà theo về hai giáo kia được, nhưng Đạo-giáo với Phật-giáo cũng có nhiều điều giúp ích cho việc trị đời.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU dịch-thuật



BÀI PHÚ NGHÈO

:: :: :: **Hài - vãn** :: :: ::



Một người danh-sĩ kia tên là Phú, hiệu là Đa-văn tiên-sinh, là lấy nghĩa « *đa văn dĩ vi phú* ». Nghĩa là người ta lấy nhiều tiền nhiều thóc nhiều vàng bạc châu báu làm giàu, người ấy chỉ lấy văn-chương làm giàu. Nên chỉ nhà người ấy thường rộng tước, tư mùa hoa cỏ, bốn mặt giang-sơn, mà khi mở đến kho văn-chương thì cả thiên-hạ lẫn vạn-thế tiêu-dùng mãi cũng không hết.

Một hôm tiên-sinh đi dự một đám tiệc, thuộc về việc mừng nhà mới, trong tiệc chủ khách dặt-diu, đàn hát vui-vẻ. Chủ-nhân nhà ấy thì nguyên là người thành-thực tiết-kiệm mới làm nên được giàu có. Duy chủ-nhân nhà ấy lại có một cái bệnh chẳng hiểu văn-học, nên chỉ chỉ nổi tiếng là một nhà trọc-phú mà thôi. Khi đó chủ-nhân làm được một tòa nhà mới, rất là tráng-lệ nguy-nga, trên có đặt một ban thờ, để thờ một vị thần là tài-thần tức là vị thần tiến-tài tiến-lộc cho chủ-nhân. Khi nhà đã làm xong, mới mời khách gần xa mở tiệc ăn mừng.

Khi tiên-sinh mới đến dự tiệc, chủ-nhân rất lấy làm hoan-nghehnh mời ăn cỗ to, ngồi cao trót-vót. Kịp khi tiệc rượu đã nửa vơi, chủ khách vui-vầy, kẻ nào kẻ nấy đều chúc chén mừng gia chủ. Kẻ thì hỏi rằng, lâu nay ông hẳn phát-tài lắm chứ? Kẻ thì chúc rằng mừng ông từ nay về sau phát-tài

hơn trước. Rồi thì những lời phát-tài, phát-tài như cơn phong-trào nổi lên, ầm-ỹ cả một nhà.

Đa-văn tiên-sinh nghe đã chán tai, nhàn nghĩ bụng rằng: « Gớm thay thế-tục! Gớm thay thế-tục! » Chả trách cổ-nhân đã từng có câu ấy, thì ra trong vòng thế-tục ngoài hai chữ phát-tài không còn có tư-tưởng gì nữa, từ kẻ làm giàu, kẻ làm quan cho đến kẻ làm dĩ, kẻ ăn cắp, kẻ đánh bạc đều nhất nhất chúc nhau hai chữ phát-tài, nghĩ mà cũng đáng nực cười thay, chỉ bằng ta nhân tiệc này ta góp lấy một câu chuyện khôi hài, để ta đả-phá hai chữ phát-tài của thế-tục cho vui.

Tiên-sinh nghĩ bụng xong mới thu vén vật áo chỉnh-tề, ngồi cao ngất-ngưỡng, ra tiếng góp vơi chúng đề chúc mừng chủ-nhân một câu rằng: Ông lâu nay hẳn nghèo lắm chứ, xin mừng ông từ nay về sau nghèo hơn trước. Tiên-sinh nói rút lời, cử-tọa đều ngạc-nhiên; có kẻ khen nhiech rằng: Lời tiên-sinh nói mới cử chữ! Cũng có kẻ chê thật rằng: Mềm môi tuyết cung-thang, nói ra gàn bát-sách, chẳng phải tiên-sinh thì là ai. Cuối cùng chủ-nhân cũng tỏ ra ý bất-bình nói rằng: Thế thì tiên-sinh mong cho tôi nghèo à! Tôi mời tiên-sinh đến ngõ là tiên-sinh chúc mừng tôi, hay đầu tiên-sinh lại rửa tôi, Tiên-sinh sao tẻ mảy!

Tiên-sinh liền cười ha-ha mà giải-thuyết ra rằng : Thế thì chủ nhân lắm đấy, tôi chúc cho chủ-nhân nghèo, chính là tôi chúc cho nhà chủ-nhân nay mai sẽ có kẻ làm nên bậc đại-thánh đại-hiền và có kẻ làm nên chức phong hầu tể-tướng, há những phát-tài mà thời đâu. Nên biết rằng một chữ nghèo xưa nay, tức là cái đất dễ sản ra con châu thánh-hiền hảo - kiệt, một chữ giàu xưa nay, tức là cái đất dễ sản ra con châu tội-quá ngu-si; tôi sở dĩ không dám chúc mừng chủ-nhân phát-tài cho lắm là vì thế.

Tiên-sinh giải-thuyết xong, cử-tọa đều om-xòm trách rằng : Mèp con nhà văn-sĩ hay nói dối người ; nói phải có sách, mạch phải có chứng, chúng tôi không nghe những lời nói hoang-dường. Tiên-sinh liền đọc ra một bài phú tả về cảnh nghèo của viên Tiến-sĩ đời Đường là Vương Khái để chứng-cứ cho cái thuyết của mình ; nhưng bài phú ấy nguyên là bài phú chữ nho, khi tiên-sinh đọc xong, cử-tọa lại om xòm trách rằng : Thời buổi là thời buổi quốc-văn mà tiên sinh đọc bằng chữ nho, chúng tôi phần nhiều ù-ù cạc-cạc, tiên-sinh có tài quốc-văn thì tiên-sinh dịch ngay bài phú ấy ra thể Ti-bá Trình-phụ cho chúng tôi nghe, tiên sinh đừng nói hoang-dường lắm nữa !

Tiên-sinh tức-khắc tại-tọa dịch bài phú ấy ra quốc-âm theo như thể-tài công-chúng đã định, đọc ngay cho công-chúng nghe. Công-chúng lắng tai nghe, cử-tọa đều vỗ tay nói rằng : Thế thì lời tiên-sinh nói diển thật ! Trước kia chúng tôi vẫn nghĩ rằng có tư-tướng giàu thì xã-hội mới tiến-bộ, ngày nay chúng tôi lại biết rằng có tư-tướng nghèo nữa, thì xã-hội mới tiến-bộ, câu chuyện của tiên-sinh cũng thú lắm thay !

Bài phú dịch ra như sau :

有宏節先生。
Hữu Hoành-Tiết tiên-sinh,
棲遲上京。
Thê trì thượng-kinh.
每人機蘇之給。
Mỗi nhập liều-lô chi cấp;
長甘菜菔之羹。
Tráng cam lê-hoắc chi canh.

Bất Thượng-kinh có thầy Hoành-Tiết,
Trải tháng ngày quen nét thông-dong;
Củ rừng chẳng tốn một đồng,
Thìa canh lê-hoắc cam lòng húp suông.

成載渴以載饑。未忘挫念。
Hoặc lái khát dĩ lái cơ, vị vong tỏa niệm ;
雖無衣而無渴。終自怡情。
Tuy vô y nhi vô kệt, chung tự dĩ tình.

Hoặc khi đói không lương thời nhịn,
Chỉ thánh-hiền ai nén cho xuôi;
Dầu không áo đẹp như ai,
Cái thân học đạo chỉ vui những điều...

其居也。
Kỳ cư dã :
滿榻凝塵。
Mãn tháp ngưng trần ;
侵踏碧草。
Xâm giai bích thảo.
衡門度日以常掩。
Hành-môn độ nhật dĩ thường yểm ;
環堵終年而不掃。
Hoàn đồ chung niên nhi bất tảo.

Chỗ thầy ở sà rêu nhà bụi,
Làn cỏ xanh mọc tới quanh hiên;
Cửa sài chiều sớm cái thêu,
Tường hoa mốc thối, quanh niên đã lè.

荒涼三徑。重開蔣翊之蹤。
Hoang-lương tam kinh, trùng khai Trương
Hủ chi tung ;
寂寞一瓢。深味顏回之道。
Tịch-mịch nhất biêu, thâm vị Nhan-Hồi
chi đạo.

Ngõ trồng gai đi về ba lối,
Niềm thanh-cao học lối Trương-quân;

Một bầu chứa một bụng xuân,
Đạo thầy Nhan-tử càng gần càng vui.

雖有溫尼公子。

Tắc hữu Ôn-lắc công-tử;

繁華少年。

Phồn hoa thiếu niên.

其造網槓之所。

Cộng thảo thừng khu chi sở;

相延甕牖之前。

Tương diên ủng dũ chi tiền.

Bồng đầu có hai người tuổi trẻ,
Một giàn sang một kẻ phồn-hoa;
Nhà tranh vách đất dạo qua,
Tiên-sinh vui vẻ bước ra đón chào.

但見其縹袍羣肘。

Đãn kiến kỳ: Uẩn bào lộ trư;

曲突沉煙。

Khúc đột trầm yên.

僮不粒以愁坐。

Đồng bất lập dĩ sầu tọa;

馬無芻而困眠。

Mã vô sô nhi khốn miên.

Thấy tiên-sinh áo bào rách bươm,
Mà trông ra khói bếp lạnh tờ;
Tiều-dồng hết gạo ngồi trơ,
Ngựa gầy hết cỏ nằm co trong chuồng.

俱曰。

Câu viết:

先生跡似萍泛。

— Tiên-sinh, tích lự bình phiếm;

家如磬懸。

Gia như khánh huyền.

且何道以自若。

Thả hà đạo dĩ tự nhược,

復何心而宴然。

Phục hà tâm nhi án nhiên?

Rằng: «Tiên-sinh hèn nường mặt nước,
Nhà trống không dít bụi khác chi;
Cớ sao vui được thế nư?
Trong tâm bản có đạo gì cho nghe.»

先生曰。

Tiên-sinh viết:

子不聞。

— Tử bất văn,

蜀郡長卿。

Thục-quận Tráng-Khanh;

漢朝東郭。

Hán-triều Đông-Quách.

器難離以無愧。

Khi tuy dịch dĩ vô qui;

履任穿而自舉。

Lý nhiệm xuyên nhi tự lạc.

斯蓋以。

Tư cái dĩ:

怕理房常。

Thuận lý cư thường;

冥心處約。

Minh tâm xử ước.

Tiên-sinh rằng: «Xưa kia Đông-Quách;
Và Tráng-Khanh là khách Thục-thành;
Đường dài lỡ bước công-danh,
Chiếc giày hoặc chẳng còn lành như

xưa.

Hoặc chẳng quản sớm trưa rửa hũ,
Về thanh xưa chợ cũ tiêu-dao;

Khi cư-xử lúc ra vào,

Những điều thuận-lý là điều an-tâm.

當年誰即羈旅。

Đương-niên tuy tức cơ lữ;

終漢曾無陶穉。

Chung tuế lãng vô vãn-hoạch.

又不聞前惟曾子。

Bựu bất văn: Tiên duy Tăng-tử;

後有袁女。

Hậu hữu Viên-An.

或蒸梨而取飽。

Hoặc chưng lê nhi thủ bão;

或臥雪以忘寒。

Hoặc ngọa tuyết dĩ vong hàn.

斯亦性善居易。

Tư diệc, tính thiện cư dị;

情無怨難。

Tình vô oán nan.

Tuy thuở ấy lữ-lam lam-lữ,
Sự khó-khăn nào có phàn-nân;
Lại như Tăng-Tử, Viên-An,
Hoặc nằm trong tuyết hoặc hàn cơm lê,

Tuyết dẫu rớt lòng thề quên rét,
Đạo mà no chẳng thịt cũng no;
Cái thân ngày tháng ưu du,
Chẳng ngăm câu oán chẳng mua sự
phiền.

不汲汲以苟進。
Bất cấp-cấp dĩ cẩu tiến;
世孜孜而妄干。
Khởi tư-tư nhi vọng can.
盡能。一榮枯。得失。
Tận năng: nhất vinh khô; lễ đắc thất.

Lại gìn-giữ những phen lui tới,
Ai lợi-danh danh-lợi mặc ai;
Xem gương trong bấy nhiêu người,
Vinh khô đắc thất gác ngoài chỉ cạo.

願終寒以非病。
Cố chung lữ dĩ phi bệnh;
縱寒空而何恤。
Tung lữ không nhi hà tuất.
是以。原寒屋坐而不憂。
Thị dĩ: Nguyên-Hiến khuông tọa nhi
bất ưu;
啓期行歌而自樂。
Khải-Kỳ hành ca nhi tự dật.

Cơ nghèo-ngặt dẫn sao cũng chịu,
Kẻ thánh-biền túng-tiểu là thường;
Ấy ai chỉnh-chện ngồi giường,
Ấy ai dứng-dĩnh đi đường ngăm-nga.

况乎。否窮則泰。
Huống hồ: Bĩ cùng tắc thái;
屈久則伸。
Khuất cửu tắc thân.
負薪者榮。於漢。
Phụ tân giả vinh ư Hán;
鬻春者相。於秦。
Dục bán giả tướng ư Tần.

Vận bĩ hết, quay ra vận thái,
Đường khuất lâu, trở lại đường thân;
Sốt dan củi dôi mấy lần,
Thử xem phò Hán⁽¹⁾ tướng Tần⁽²⁾ là ai.

更聞楊素之言。
Cánh văn Dương-Tổ chi ngôn,
未能同富。
Vị năng đồng phú;
苟有進退之美。
Cẩu hữu tiến-tối chi mỹ,
安得長貧。
An đắc trường bần!

Lại xin cứ nghe lời Dương Tổ,
Chẳng đem tâm ham mô sự giàu;
Vi dù tài tốt chí sâu,
Trần-Bình nào có nghèo lâu bao giờ.

矍然二子。
Quắc nhiên nhị tử,
相顧而起。
Tương cố nhi khởi.
乃曰。幸承達者之言。
Nãi viết: Hạnh thừa đạt giả chi ngôn;
深見賢哉之旨。
Thâm kiến hiền tại chi chỉ.
而今而後。
Nhi kim nhi hậu,
方知君子之窮。
Phương tri quân-tử cố cùng,
小人窮斯濫矣。
Tiểu-nhân cùng tư lạm hĩ.

Hai người khách ngằn-ngờ đứng dậy:
— Nghe lời ông đã thấy chí ông;
Mới hay trong một chữ « cùng »,
Tiểu-nhân quân-tử hai lòng khác nhau.

Tùng-Vân

(1) Là Chu-Mãi-Thần 朱買臣, trước đi dôi củi, sau làm quan to nhà Hán.

(2) Là Phạm Thu 范雎, trước đi bán sọt, sau làm tướng nhà Tần.



VĂN-UYÊN

Đua nhau

Cạnh-tranh khắp hoàn-hải,
Khôn dại phân được thua ;
Bốn nghìn năm nước cũ,
Người mình cũng ganh-đua.

Ganh đua thế nào nhỉ ?
Trống người ngấm đến ta ;
Thời-thế tuy đổi mới,
Văn-minh còn kém xa.

Hương-dâng chuông vị-thứ,
Vị lo, xói thịt lo ;
Ăn trên lại ngồi trốc,
Mất tiền đua nhau mua.

Động tí hay tức khí,
Đua nhau đến cửa công ;
Còn ăn hết thì nhin.
Đem tiền ném xuống sông !

Ăn ở với cha mẹ,
Lúc sống chả thấy đau ;
Ma chay theo tục thế,
Đua nhau giết nhiều trâu.

Mỗi năm cứ ngày Bội,
Vàng mã phi bao nhiêu !
Tiền thật mua của giả,
Đua nhau dốt cho nhiều.

Bạn với xe cùng lọ,
Khi vui vãi diều chơi ;
Biết chết vẫn cứ mắc,
Đua nhau trỏ « bẹp tai ».

Uống rượu hại sức khỏe,
Giọng nói những hơi men ;
Mà vẫn đua nhau uống,
Trẻ rượu nên thói quen.

Kiểm ăn cuộc đen đỏ,
Cờ bạc có ra sao !
Đua nhau vào sòng bạc,
Không thiếu hạng người nào.

Đua nhau học tom chát,
Nhập-tịch trong làng chơi ;
Biết bao chàng tuổi trẻ,
Èm êm tìm thú vui ?

Đón cái phong-trào mới,
Người mình cũng « đồng-xé » ;
Trai gái đua nhau nhây,
Phong-tinh coi mà ghê !

Đề buồng cho khách trọ,
Nên mời gọi nhà « sấm » ;
Làm chỗ để dặt gái,
Đua nhau thêm mối dâm.

Chán lối y-phục cũ,
Đua nhau cách tối-lân ;
Nữ-nhi cũng đòi « mốt »,
Hình-thức không tinh-thần.

Đua nhau đòi quyền-lợi,
Nam nữ muốn bình-quyền ;
Nào biết trong giu-đạo,
« Xương tủy » lẽ tự-nhiên.

Hà đành cần sức khỏe.
Phụ-nữ nên thờ-thao ;
Tổ-chức cuộc đi bộ,
Đua nhau mới lạ sao !

Các nước bên Âu, Mỹ,
Văn-minh có thể đâu ?
Sao cho nước giàu mạnh,
Ấy người ta đua nhau.

Người mình đua nhau rỏm,
Trống thấy những chan-chan ;
Chỉ sợ đua nhau mãi,
« Bán-khai » quay « dã-man » !

Cái nạn kinh-tế ngày nay
(Hát nói)

Mở miệng nói vấn-đề kinh-tế,
Tại làm sao không thể nghĩ cho ra ;
Kể đâu xa, hãy nói đến nước nhà,

Mùi khùng-hoảng ai mà không nếm thử.
 Nhà điền-dã bỏ nghề nông cũng dở,
 Chót đâm lao nên phải cứ theo lao,
 Làm quanh năm vất-vả biết bao,
 Đồng một gánh, thóc sao mà rẻ thế !
 Nghề buôn bán kiếm ăn nào dễ.
 Khiếm đồng tiền, hàng ế chẳng ai mua;
 Kia cô hàng mất cả nói chua,
 Nợ các hiệu cứ xô nhau đóng cửa.
 Nông, thương thế, công thì cũng rữa,
 Vì ít tiền ai sẵn sửa đồ dùng ?
 Sự ăn tiêu đến nỗi bần-cùng.
 Kiếm đủ nhà, lấy công làm lãi.
 Đến nghề sĩ cũng phen này thất-bại,
 Học không tiền, làm lại chẳng ai thuê ;
 Tốn bao công, người học Tây về,
 Ngồi một xó chán-chê nào đã bỏ.
 Chán dịp-lôm bấy giờ vô-số,
 Cầu hương-sư cũng đã khó chen thay !
 Sở công. tư, tham phán các thầy,
 Lương đã rút lại mỗi ngày rút mãi
 Làm các sở biết bao người phải loại ?
 Dạy trường tư cái đối năm trong tay !
 Các báo-chương ra tháng, tuần, ngày,
 Cờ-động lắm mới họa may mà sống
 Dân đã từng lấy đầu lễ-lạc, [được !
 Nghề làm quan kém trước hẳn không sai;
 Một vài trăm lương tháng đủ sai,
 Chót mắc nợ biết đời nào gỡ.
 Nào cậu bếp, anh xe, chị đỏ,
 Thấy hạng người khổn-khó nghĩ đau
 [chung ;
 Bấy lâu nay làm mướn rẻ công,
 Thân trâu ngựa, kiếm được một vài
 đồng nghe cũng khướt !
 Khá thương nhất bọn chị em lượt-mướt.
 Xóm Bình-khang tha-thuốt đợi chờ ai ?
 Lấy đàn ca làm kế sinh-nhai.
 Hàng vắng khách ngáp hoai thôi cũng
 Bui kinh-lẽ bao giờ hết nạn ? [chán !
 Chết đuối người trên cạn mãi mà chơi !
 Chữ rằng : bị cực thái lai,
 Bao giờ đến lúc tiền-tài như xưa ?
 Dân ta tháng đợi năm chờ.

Tương-giang-thị

..

Bên hoa có cảm

Chiều trời lạnh, mây bay man-mác,
 Bui đêm thu, gió lại đìu-hiu ;
 Một bầu thanh-khí dặt-dìu,
 Trăng sao thưa vắng, coi chiều buồn
 [lén !
 Ai thơ-thần ? Lòng mình thơ-thần !..
 Cảnh có tươi mình vẫn không tươi ;
 Sương sa mù-mịt góc trời,
 Ngọn đèn có-chiếu ai người tri-âm ?
 Sầu chất nặng, âm-thầm một mối,
 Nói ai hay, mà nói cùng ai ?
 Trống trống lại những thờ dài,
 Hoa tàn hiu-quạnh ai người đoái-
 [thương.
 Sự nhớ lời thêm vương mối hận,
 Tấm tình chung phút lẫn hồn hoa ;
 Thương hoa mấy độ phôi-pha ?
 Tấm thân trinh bạch ngọc-ngà tuyết-
 [sương.
 Trãi mấy độ mưa cuồng gió giạt,
 Mảnh băng-tám khóa chặt khôn lay !
 Nhìn hoa giọt lụy vui đầy,
 Kiếp hoa thế ấy, thân này ai hơn ?
 Tưởng nồng-nổi nguồn cơn quá ngán,
 Muốn nó to hời tận trăng già ;
 Gây chi cái thời gian-ngoa ?
 Cho duyên trắc-trở cho hoa bẽ-bàng !
 Trống hoa những lòng càng thồn-thức,
 Gió thu qua như giục cơn sầu ;
 Cùng hoa quen biết bấy lâu,
 Nặng tình thanh-khí xót mầu thanh u !
 Trãi ngày tháng mây thu gió hạ,
 Chút tình-hoài róng-rã bấy lâu ;
 Tưởng chừng hương lửa được mầu,
 Ai hay hương-lửa cùng nhau lạnh-lùng !
 Thôi duyên thăm mơ-mộng chỉ nữa,
 Nợ phong-lưu còn chưa đến-bù ;
 Hoa thu cùng với trăng thu,
 Lạnh-lùng một sắc, thanh-u một mầu !
 Có chăng ta biết cùng nhau.

TINH-PRỐ

THỜ'I-ĐÀM

PHÁP

Ông Doumergue nói chuyện lần thứ tư với quốc-dân.

Lần này là lần thứ tư quan thủ-tướng DOUMERGUE nói chuyện với quốc-dân. Ông nói trước máy vô tuyến-diện hôm thứ năm 5 Octobre. Trước hết ông nói về tình-cách các cuộc cải-cách mà ông dự-định mấy bữa trước. Ông muốn cho các cuộc cải-cách ấy được giản-dị, rõ-ràng và hợp với tình-thế. Cần nhất là phải tổ-chức tòa Tổng-lý nội-các tuyển-bỏ đủ quan-chức để giám-sát được công việc hết cả các bộ. Các Thượng-hội-nghị quốc-phòng Kinh-lẽ, tòa Thống-kê, v. v. . . đều đặt dưới quyền tòa Tổng-lý.

Ông nói rằng trong ngạch Hành-chính nay phải đặt cho có trật-tự lại, người nào có trách-nhiệm người ấy. Lại cần có một ngạch Tư-pháp tự-lập. Ông thuật lại công-việc của Chính-phủ trong vụ nghị-hề vừa rồi. Ông cực-lực phản-đối cái nạn binh-đạo, dù đối với nước ngoài hay ở trong nước cũng vậy. Mục-dịch đảng « *Front commun* » (tức là đảng xã-hội và Cộng-sản hợp-nhất) là gây nạn chiến-tranh, nay ông rất lấy làm mừng thấy hai đảng này hợp lại với nhau, làm cho tình-thế được dễ-dàng. Sau cùng ông cả-quyết sẽ đạt tới mục-dịch và hứa rằng sẽ chẳng phụ lòng dân tin cậy.

Ông Léon Blum chỉ-trích ông Doumergue.

Ông LÉON BLUM là lãnh-tự đảng Xã-hội diễn-thuyết tại Narbonne có chỉ-trích ông DOUMERGUE về cái ý-kiến của ông muốn thêm vào trong Hiến-pháp một khoản cấm quan-lại lập liên-đoàn.

Một vụ ám-sát lớn ở Marseille :

Vua Alexandre xứ Nam-tư-lạp-phu và quan ngoại-giao tổng-trưởng Barthou đều bị hại.

Ngày 8 Octobre, hồi 16 giờ 10, vua ALEXANDRE xứ Nam-tư-lạp-phu (*Yougoslavie*) ngự-du sang Pháp, tới Marseille, có quan ngoại-giao tổng-trưởng Pháp là ông BARTHOU ra nghênh-tiếp. Đoàn xe vừa đi tới công-trường Bourse thì ở trong đám đông một người xông ra nhẩy lên cỗ bậc lên xuống ô-tô mà bắn tới hơn chục phát súng lục vào xe vua ALEXANDRE có cả ông BARTHOU ngồi. Vua ALEXANDRE bị đạn trúng tim và bụng dưới, đưa về đến dinh quan quận-trưởng thì tạ-thế. Ông BARTHOU bị đạn gãy tay trái. Vì vết thương nặng quá nên ông cũng từ-trần.

Nguyên-soái GEORGES bị trọng-thương.

Hung-thủ người Nam-tư-lạp-phu tên là PÉTRUS KALEMEN, 35 tuổi, buôn-

bắn. Hắn định bắn vào mồm tự-sát, nhưng bị cảnh-binh bắn chết ngay. Người ta đoán rằng hung-thủ là đảng-viên một đảng bạo-dộng người *Croate*.

Hai người tình-nghi bị bắt ở *Thonon-les-Bains*, tên là *POSTICHIL* và *RATJICH*, đều là đảng-viên đảng bạo động « *Paberrich* » ở *Yugoslavie*.

Thi-thề vua *ALEXANDRE* do chiến-hạm *Doubrownik* đưa về nước, có hai chiếc tuần-dương-hạm và hai chiếc diệt-ngư-lôi Pháp đi hộ-lống. Quan giám-quốc *LEBRUN*, Thống-chế *PÉRAIN*, thủy-quân Tổng-trưởng *PIETRI*, hàng-không Tổng-trưởng *DENAIN*, đại-diện nước Pháp sang tận *Belgrade* dự lễ an-táng.

Ở *Belgrade*, Chính-phủ Nam-tur-lạp-phu đã lập con trai nhỏ vua *ALEXANDRE* lên ngôi hiệu là *PIERRE II*. Hiện hoàng-tử đang du-học bên Anh.

Thi-thề ông *BARTHOU* đưa từ *Marseille* về *Paris*, Chính-phủ làm lễ quốc-táng.

..

Có tin rằng sở cảnh-sát hết sức tra xét thì đã biết được rằng có một đảng quá-khích chủ-ý ám-sát vua *ALEXANDRE* đến ở *Aix-en-Provence* từ lâu. Đảng đó có bốn năm người và có một người đàn bà rất đẹp đứng đầu. Hai tên đồng-phạm bắt được đã thú-nhận. Còn tung-tích người đàn bà thì hiện chưa rõ.

Nội-các Doumergue thay đổi.

Vì xảy ra vụ ám-sát này nên quan Nội-vụ trông-trưởng *ALBERT SARRAUT* từ-chức.

Quan Giám-đốc sở liêm-phóng và viên quận-trưởng *Marseille* bị cách-chức.

Quan Tư-pháp tổng-trưởng *CHÉRON* cũng từ-chức. Ông *PIERRE LAVAL* làm ngoại-giao tổng-trưởng thay ông *BARTHOU*, ông *MARCHANDEAU* giữ bộ nội-vụ, ông *LOUIS ROLLIN* giữ bộ thuộc-địa.

Quan nguyên tổng-thống Poincaré tạ-thế.

Ông *RAYMOND POINCARÉ* đang ốm nặng lại được tin ông *BARTHOU* là người bạn rất thân của ông bị ám-sát, thì ông lấy làm buồn lắm, nên ông đã tạ-thế hồi 3 giờ rưỡi hôm 15 octobre, thọ 74 tuổi.

Ông cũng được chính-phủ làm lễ quốc-táng. Linh-cữu đưa đến đền *Panthéon* rồi rước về an-táng tại *Sampigny*.

Ông từng làm Tổng-lý nội-các, và chính ông đã làm Tổng-thống hồi Âu-chiến.

..

ĐỨC

Đức làm trái với điều-ước Versailles.

Chính-phủ Đức có dân một tờ mệnh-lệnh trong các Đại-học-đường để yết-thị cho học-sinh biết rằng ai đã học trong trường 2 năm rồi thì phải ghi tên đăng vào đội lính tiên-phong (*section d'assaut*) của trường Đại-học. Đi lính được một năm, nếu ai có tư-cách sẽ được đóng quan hai dự-bị, mà năm đó cũng vẫn kể như một năm trong học-khoá.

Việc này phát ra, người ta cho Đức làm như vậy là trái với ba khoản điều-lệ 175, 177 và 178 trong bản điều-ước *Versailles*, nên dư-luận các nước ở Âu-châu nổi lên tố-giác và phản-đối kịch-liệt.

TÂY-BAN-NHA

Lại có biến-động lớn.

Nửa đêm hôm 5 Octobre, suốt trong nước nổi lên cuộc tổng đình-công để phản-đối chính-phủ. Khắp các tỉnh, thợ-thuyền xung-đội với cảnh-sát. Hai bên bắn nhau, nhiều người chết và bị thương. Sự thông-thương bị đình-trệ, các cửa-giới đều đóng. Ở Catalogne không một người thợ nào đi làm.

Tại Asturie bọn đình-công đánh đuổi lính cảnh-sát chiếm được mấy làng lớn.

Nguyên-soái xứ Catalogne nổi lên kháng-cự FRANCO được làm Thống-tướng quân-đội Tây-ban-nha.

Chính-phủ tự-trị xứ Catalogne quyết-định tuyên-bố độc-lập. Nửa đêm quân Catalogne ập đánh quân Tây-ban-nha, nhưng đến sáng bị quân Tây-ban-nha đánh thua phải xin hàng.

Theo báo « El Debate » thì có lẽ Đức đã ngầm giúp khí-giới cho bọn phiến-loạn.

THỎ-NHĨ-KỶ

Cấm người ngoại-quốc làm ăn trong nước.

Chính-phủ Thỏ-nhĩ-kỷ mới ban hành một bản luật mới cấm người ngoại quốc làm ăn trong nước Thỏ.

Hơn 6 nghìn người ngoại-quốc, phần nhiều là dân Hi-lạp và 800 dân Bạch-Nga bị bản luật này ra thu giấy phép ở làm ăn, nên họ phải dần-dần trở về nguyên-quân. Nhờ phương-pháp

này mà một số đông dân Thỏ mới có việc làm.

MAROC

Nhật buôn bán cạnh-tranh với Anh ở Maroc dữ lắm.

Hiện nay người Nhật ở Maroc đại hạ-giá những hàng hóa của họ xuống để cạnh-tranh với Anh. Hàng của họ hạ-giá xuống chỉ bằng độ 25 đến 50 phần trăm của Anh. Số hàng-hóa của Anh nhập-cảng ở đây sụt xuống rất nhiều.

ẤN-ĐỘ

Ông Gandhi với đảng Xã-hội.

Đảng xã-hội Ấn-độ nhất-định phản-đối các điều sửa-đổi hiến-pháp của ông GANDHI. Họ yêu cầu ông hãy nhận lời của bọn họ dù hiến-pháp đó thích-hợp hay không, miễn là phần đông đảng-viên tán-thành thì thôi. Nếu ông GANDHI không thuận thì đảng xã-hội đe ép ông phải từ-chức chủ-tịch Hội-đồng. Thế-lực của ông không còn được mạnh như trước nữa.

NHẬT

Nhật có muốn đánh Nga không?

Theo như ý-kiến một nhà viết báo Nhật là ông HIKO YAMADA khi ông ta sang Pháp ghé qua Sài-gòn nói chuyện với ông De LACHEVROTIERE, thì Nhật không có ý gì muốn đánh nhau với Nga, vì đánh nhau với Nga không có lợi gì cho Nhật cả.

Ông nói rằng Nhật không muốn cho mặt nước Thái-bình-dương phải khuấy động.

THỜI-CỤC NƯỚC TÀU

Chính-phủ định vay tiền để làm đường xe lửa.

Chính-phủ Trung-hoa mới bàn-định xong một cuộc quốc-trái 16 triệu đồng bạc Mé-tây-cơ, để lập thêm một con đường xe lửa mới chạy ngang Nam-xương mà qua tỉnh Quảng-tây và thông suốt vào tới các mỏ than đá ở Bình-giang (Pingiang).

Nước Đức đã hứa chịu xuất ra 8 triệu bạc cho nước Tàu vay, nghĩa là bằng số bạc của dân Tàu cho chính-phủ của họ vay rồi, song chính-phủ Tàu phải mua của nước Đức hết thảy các khí-cụ thuộc về việc lập con đường xe lửa mới này.

Các tay trọng-yếu tài-chính ở Thượng-hải lại đang thảo-luận xem nước Tàu có thể thi-hành chế-độ tiền-tệ gồm cả kim-bản-vị và ngân bản-vị được chăng. Ngân-bản-vị thì dùng trong việc buôn-bán tại Trung-hoa, còn kim-bản-vị thì dùng ở thị-trường ngoại-quốc.

Hội-nghị y-khoa Viễn-đông tại Nam-kinh.

Sáng ngày 3 Octobre, tại Nam-kinh đã khai-mạc cuộc hội-nghị lần thứ 9 của Viễn-đông y-khoa học-hội (*Congrès médical d'Extrême Orient*), đại-biểu các nước tới dự hội tất cả hơn 200 người, toàn là những tay lão-luyện trong y-giới. Có ngót 200 bài khảo-cứu về y-học của đại-biểu các nước đem ra đọc tại trước hội-nghị để cùng nhau thảo-luận. Tuy rằng cuộc hội-nghị này là của các nước Viễn-đông, nhưng đại-biểu đến dự hội phần

hiều là người các nước Anh, Pháp, Mĩ. Quan tổng lương-y Jourdan, ông đốc-tờ HERMANT, tổng thanh tra y-tế Đông-dương làm đại-biểu phái-viên của Đông-dương cũng sang dự hội-nghị y-khoa Viễn-đông này.

Nguyên từ năm 1908, các nhà chuyên-môn về y-học ở các nước bên Viễn-đông ta nhận ra rằng thế-giới ngày nay sự giao-thông càng tiện-lợi thì các thứ tật-bệnh nhân đó lại càng dễ từ nước nọ truyền sang nước kia, bởi vậy các nhà y-học mới họp nhau lại định tổ-chức thành một đoàn-thể y-học quốc-tế, để cùng nhau thảo-luận về các thứ tật-bệnh và nghiên-cứu phương-pháp bài-trừ. « Viễn-đông y-khoa học-hội » thành-lập ra từ đấy.

Từ sau khi hội thành-lập đến giờ đã họp được 8 lần hội-nghị: Lần thứ nhất hội-nghị khai tại kinh-thành Manille nước Phi-luật-tân vào năm 1910; lần thứ hai tại Hương-cảng vào năm 1912; lần thứ ba tại Đông-dương vào năm 1913; lần thứ tư tại Cuba vào năm 1921; lần thứ năm tại Tân-gia-ba vào năm 1923; lần thứ sáu tại Nhật-bản vào năm 1925; lần thứ bảy tại Ấn-độ vào năm 1927; lần thứ tám tại Xiêm-la vào năm 1930; đến lần thứ chín năm nay 1931 thì họp tại Trung-hoa.

Đến họp hội-nghị này có tất cả chừng 36 nước, ngót ba trăm đại-biểu của 14 khu ở khắp xứ Viễn-đông: Áo, Ấn-độ và các thuộc-địa, Trung-quốc, Mã-lai, Phi-luật-tân, Hương-cảng, Đông-dương, Nhật-bản, Đài-hương-sơn, quần-đảo về phía đông Ấn-độ (thuộc-địa của Hà-lan) Xiêm-la, Mĩ, Áo-môn.

Uống Tinh-Vệ, viện-trưởng viện Hành-chính làm danh-dự chủ tịch kỳ hội-ng nghị này; Kōng Tōng-Hi viện-trưởng viện Tài-chính và Hoàng Thiệu-Hùng, viện-trưởng viện Nội-chính làm danh-dự phó hội-trưởng, Bộ-trưởng Bộ Vệ-sinh là bác-sĩ Lưu Thụy-Hằng thì sung làm chủ-tịch hội-ng nghị.

Uống Tinh-Vệ đọc diễn-văn khai-mạc, rồi đến chủ-tịch hội-ng nghị là Lưu Thụy-Hằng cũng đọc diễn-văn.

Từ ngày 4 Octobre, các đại-biêu lần-lượt đem ra đọc trước hội-ng nghị ngót 200 bài luận-án, toàn là những bài nghiên-cứu rất có giá-trị. Rồi các đại-biêu nghiên-cứu về phương-pháp trừ bệnh dịch hạch, bệnh dịch tả. Đến 8 Octobre thì hội-ng nghị bế-mạc.

Việc mua bán con đường sắt Trung-dông.

Việc Nga Nhật bàn tính về sự mua bán con đường xe lửa Trung-dông, bấy lâu đã đình-chỉ cuộc đàm-phán, tưởng là không giải-quyết xong, nhưng đến cuối tháng chín tây mới rồi, cuộc điều-định bán đường xe lửa Trung-dông cho Mãn-châu-quốc lại tiếp-lục đàm-phán.

Theo tin báo « Nichinichi Shimbun » thì ông HIROTA (Quảng-Điền) Tổng-tướng bộ Ngoại-giao của Nhật đã thương-lượng với ông YURENEFF, sứ-thần Nga ở Tokio, rồi định giá-con đường xe lửa ấy 170 triệu đồng yên. Còn luật-lệ về đường xe lửa ấy thì giữ như cũ. Nhưng còn phải giải-quyết vài vấn đề, nhất là cách-thức trả tiền. Có tin rằng giá bán có lẽ là 140 triệu yens chứ không phải 170 triệu như tin người Nhật nói. Nhật mua con đường xe lửa ấy cho Chính-phủ Mãn-châu. Người ta nói rằng Nga không vì việc này mà thừa-nhận Mãn-châu.

Lâu nay vì sự mua bán con đường xe lửa này mà Nga và Nhật Mãn chống nhau luôn, đến nỗi người ta phải lo sợ rằng không khéo vì sự đó mà ngòi lửa chiến-tranh lại bùng lên ở Tây-bá-lợi-á cũng không biết chừng. Nay việc mua bán đã xong xuôi rồi thì có lẽ Nga Nhật lại hòa-hảo như trước chăng?

Tổng-trưởng ngoại-giao Trung-hoa đã diện cho đại-biêu ở Mạc-tu-khoa báo yêu-cầu chính-phủ Xô-viết đề ý đến quyền-lợi Trung-hoa trên con đường sắt Trung-dông ấy.

Còn các nhà tư-bản Pháp trước kia có cho vay tiền làm con đường xe-lửa Trung-dông ấy bấy giờ không biết đòi ai. Pháp có kêu nại với Nga Xô-viết đề đòi lại số tiền của các nhà tư-bản Pháp cho vay để làm con đường xe lửa đó.

Chính-phủ Nhật hình như lại có tuyên-ngôn rằng: bất-cứ món nợ gì thiếu đủ của Pháp cũng đều không ăn thua gì đến việc mua bán đường xe lửa Trung-dông cả. Có lẽ trong tuần này lý lẽ của Nhật sẽ đem công-bố chính-thức.

Dân-số Mãn-châu-quốc.

Theo những bản thống-kê của chính-phủ Mãn-châu-quốc vừa rồi thì đến ngày 1er Janvier 1934, dân-số ở Mãn-châu-quốc có đến 30.879.717 người, nghĩa là theo với năm 1932 tăng thêm được 275.600 người, trong số ấy có 17.000.922 đàn ông và con trai và 13.878.795 đàn bà và con gái.

Phân-biệt về sắc da thì số dân ở Mãn-châu-quốc kể trên đây gồm 30.180.526 người Mãn-châu, 590.760 người Nhật và 94.431 người nước khác.

Ngoài cái dân-số trên đây, cũng nên thêm số dân ở khu-vực đường xe lửa Nam-Mãn và ở địa-phận Kuanglung là

1.408.753 người, khác với số 1.322.864 người trong năm 1932.

Một tờ báo sống tới 1.534 năm.

Vừa rồi tờ báo lớn tuổi nhất nước Tàu mới 'tạ-thế'. Ấy là tờ « Bắc-kinh-báo » (*Peking-bao*), do ông Su-Kung sáng-lập vào năm 400, nghĩa là ở vào thế-kỷ thứ IV. Su-Kung là ông tổ viết báo ở Tàu. Lúc mới ra đời, tờ « Bắc-kinh-báo » là tuần-báo, có 6 trang,

bằng lụa màu vàng, đóng đinh lại. Từ năm 1.800 trở đi « Bắc-kinh-báo » mới đổi ra nhật-báo xuất-bản thường-thường.

Tuy trong « cái đời » của tờ báo này cũng thường bị Chính-phủ bắt đình-bản mấy phen, song nó cũng sống được tới 1.534 tuổi.

Vừa rồi tờ « Bắc-kinh-báo » đình-bản luôn, không rõ vì tài-chính khiếm-khuyết hay vì lễ chính-trị.

VIỆC TRONG NƯỚC

Quan phó Toàn-quyền Châtel ra Bắc. — Sáng ngày 1er Octobre 1934 quan phó Toàn-quyền Yves CHÂTEL đã xuống tàu « Cap-Tourane » từ Sài-gòn ra Bắc-kỳ. Ngày mồng 4 ngài đã tới bến Hải-phòng, sau khi các quan-chức Tây Nam đón tiếp tại bến, ngài lên xe ô-tô lên Hà-nội.

Chính-phủ Trung-kỳ giúp tỉnh Hà-tĩnh. — Vì thiên-tai mưa-bão làm cho tỉnh Hà-tĩnh rất thiệt-hại về mùa-màng, nên quan Khâm-sứ Trung-kỳ đồng-ý với hội-đồng các quan Thượng-thư đã trích ra một số tiền ba nghìn đồng bạc ở quỹ Cứu-tế giao cho quan Công-sứ Hà-tĩnh để phân-phát cho những nhà nào bị mùa-màng mất cả.

Phân-sáp và tân-lập mấy tỉnh ở Nam-kỳ. — Xứ Nam-kỳ nguyên xưa có sáu tỉnh, từ khi nước Pháp quân-linh, chia ra làm hai-mươi-một tỉnh. Nay định đem tỉnh Hà-liên sáp-nhập tỉnh Châu-đốc; Vũng-lầu sáp-nhập tỉnh Bà-ri-a; tỉnh Gò-công thì chia làm ba sáp-nhập về ba tỉnh Mi-tho Tân-an và Chợ-lớn. Lại định lập thêm một tỉnh mới ở giữa cánh đồng Tháp-mười để mở-mang cho nơi ấy được thịnh-vượng lên.

Một viên học-quan tham-tang. — Quan Kiêm-học tỉnh Hải-dương Phạm Văn-Thư đòi ăn lễ tạ ơn không đáng lẽ của ông giáo Nguyễn Văn-Lâm. Ông Lâm ở dưới quyền quan Kiêm, bị ức phải lễ nên đem 25 đồng bạc lên trình quan Công-sứ Hải-dương biên số bạc rồi, mới đem đưa lễ quan Kiêm-học. Quan Sứ cho người khám bắt được quả-lạng. Quan Sứ tra hỏi, làm biên-bản rồi đệ lên quan Thống-sứ xét. Ngày 12 quan Thống-sứ ra nghị-định huyền-chức ông Phạm Văn-Thư và đòi về nha Học-chính Bắc-kỳ tại Hà-nội.

Mới bắt đầu có xe ô-tô « tắc-xi » (taxi) chạy ở Hà-nội. — Ô-tô tắc-xi là một thứ xe ô-tô chở thuê hành-khách chạy khắp các đường phố Hà-nội; ngày mồng 8 Octobre, hiệu Thuận-thái phố hàng Buồm đã mời quan Đốc-lý Hà-nội đến chứng-kiến để cho sáu chiếc xe bắt đầu chạy.

Đương-chức không được ứng-cử hội-viên hàng tỉnh. — Mới có nghị-định sửa đổi lệ ứng-cử nghị-viên hàng tỉnh như sau này:

Điều thứ 6 đạo nghị-định ngày 19 Mars 1913 nay bỏ đi và thay những điều này vào:

Những người ra ứng-cử hội-viên hàng tỉnh phải ít nhất là 30 tuổi, phải có chỗ lưu-trú ở trong tỉnh hay có trả một thứ thuế thổ-trạch cho tỉnh ấy và phải hợp-thức làm một người ra ứng-cử.

Những người đang tại-chức, những người bị bãi-dịch cùng những người bị can-án do tòa án Tây hay Nam xử, đều không được quyền tuyền-cử.

Dự-định sổ công-nhu xứ Nam-kỳ năm 1935. — Ngày 10 Octobre, hội-đồng quản-hạt Nam-kỳ họp kỳ hội-đồng thường-niên đã duyệt-y sổ công-nhu xứ Nam-kỳ năm 1935 của Chính-phủ, dự số thu và chi là 11.350.000 đồng, kém năm 1934 700.000 đồng bạc.

Viện Dân-biểu Trung-kỳ họp đại-hội-đồng thường-niên năm 1934. — Chương-trình ấn-định công-việc đem ra xét bản tại kỳ hội-đồng thường-niên năm 1934 của viện Dân-biểu Trung-kỳ như sau này :

Ngày thứ hai 15 Octobre

Buổi sáng hồi 10 giờ : Hoàng-đế tiếp các Nhân-dân Đại-biểu tại điện Quang-minh.

Buổi chiều hồi 3 giờ : Quan Khâm-sứ tiếp các ông Nhân-dân Đại-biểu tại phủ Khâm-sứ.

Ngày thứ ba 16 Octobre

Buổi sáng hồi 9 giờ : Đại-hội-đồng khai-mạc. Quan Lại-bộ Thượng-thư đọc diễn-văn khai-hội.

Ông Nguyễn Xuân-Thiền Dân-biểu hạt Quảng-bình là người nhiều tuổi nhất trong viện đọc chúc-từ.

Hồi 10 giờ rưỡi : Phiên hội-đồng toàn-viện. Bảo-cử chức Nghị-trưởng, phó Nghị-trưởng và viên chánh Thư-ký.

Buổi chiều hồi 3 giờ : Phiên hội-đồng toàn-viện.

Bảo-cử một viên Dân-biểu sung vào ban Thương-trực của viện, và bảo-cử

hai ông Nghị-viên thực-thụ đi dự Đại-hội-đồng Kinh-lễ và Tài-chính Đông-Pháp.

Ngày thứ tư 17 Octobre

Buổi sáng : Phiên hội-đồng toàn-viện.

Bảo-cử một viên phó thư-ký trong hội-đồng tri-sự, ba viên cố-vấn trong hội-đồng tri-sự và hai viên Hội-viên dự-khuyết tại Đại-hội-đồng Kinh-lễ, Tài-chính Đông-Pháp

Buổi chiều : Phân-định các Tiêu-ban và phần việc trong các Tiêu-ban ấy.

Ngày thứ năm 18 Octobre

Buổi sáng : Các Tiêu-ban nhóm hội-đồng.

Buổi chiều : Xét vấn-đề gia-bách-phần phụ-nạp vào thuế thân và thuế điền người Nam.

Xét vấn-đề thuế phụ-nạp theo ngạch thuế môn-bãi để thầu mà sung vào ngân-sách các phòng thương-mại và canh-nông ở Trung-kỳ.

Xét vấn-đề định giá tiền điều-dưỡng ở nhà thương của các hạng cùng-dân nguyên-quán ở các xứ Đông-Pháp đến điều-trị ở các bệnh-viện trong xứ Trung-kỳ.

Xét vấn-đề giá tiền năm điều-dưỡng tại nhà thương phong Quy-hòa.

Ngày thứ sáu 19 Octobre

Cả ngày : Thảo-luận các vấn-đề yêu-cầu.

Ngày thứ bảy 20 Octobre

Buổi sáng : Xét bản dự-trù ngân-sách bản-xứ năm 1935 và sách kê-tiểu năm 1933

Xét vấn-đề trước-nhập một đoạn đường của con đường số 163 từ Cung-son đến Pleiku thuộc vào đường tỉnh hạt.

Buổi chiều : Xét những khoản công-lục kê-trù trong ngân-sách Đông-Pháp có quan-thiết đến xứ Trung-kỳ.

Xét bản dự-trù ngân-sách của Chính-phủ Nam-triều trong năm 1935.

Ngày chủ-nhật 21 Octobre

Buổi sáng : Xét bản dự-trù ngân-sách hàng tỉnh trong năm 1935 về các khoản chi-tiêu có quan-thiết đến các vấn-đề kinh-lẽ và xã-hội.

Xét bản dự-trù các việc công-tác hàng tỉnh.

Buổi chiều : Xét việc dạy chữ Hán ở các trường sơ-đẳng và các trường tiểu-học.

Xét việc sáp 34 làng ở phủ Điện-bàn và 19 làng ở huyện Đại-lộc vào huyện Hòa-vang thuộc tỉnh Quảng-nam.

Tranh-luận các vấn-đề yền-cầu.

Ngày thứ hai 22 Octobre

Cả ngày : Xét các đơn thỉnh-cầu.

Ngày thứ ba 23 Octobre

Buổi sáng : Xét các đơn thỉnh-cầu.

Buổi chiều hồi 3 giờ : Hội-đồng bế-mạc.

Ông Nghị-trưởng đọc chúc-từ.

Ông Thượng-thư Bộ Lại đọc đáp-từ.

Ngày 16 Octobre, Viện Dân-biểu Trung-kỳ đã khai-mạc kỳ Đại-hội-đồng thường-niên năm 1934. Sau khi đọc các bài diễn-văn khai hội-đồng, thì đến cuộc bảo-cử, kết-quả như sau này :

Chánh Nghị-trưởng : Ông Hà-Đặng.

Phó Nghị-trưởng : Ông Đặng Cao-Đệ.

Tổng Thư-ký : Ông Phạm Văn-Quảng.

Phó Thư ký : Ông Võ Công-Hòa.

Ba ông Cố-vấn : Hoàng-Kiểm, Lê Thanh-Cảnh và Nguyễn Khắc-Thành.

Một ông nghị-viên thường-trực : Nguyễn Quốc-Túy.

Hai ông nghị-viên thực-thụ đi dự Đại-hội-đồng Kinh-lẽ và Tài-chính Đông-dương và hai ông dự-khuyết : Lê Thanh-Cảnh, Quang Cự ; Võ Đình-Thù và Lê Viêt-Lợi.

Dân-biểu Bắc-kỳ họp Đại-hội-đồng thường-niên năm 1934. — Chương-trình công việc đem ra xét tại Nghị-viện kỳ hội-đồng này :

Ngày thứ bảy 20 Octobre

8 giờ : Hội-đồng khai mạc.

Bầu ban trị-sự.

15 giờ : Bầu 3 vị đại biểu thực-thụ và ba vị đại-biểu dự khuyết vào Đông-dương Kinh-lẽ Đại-hội-nghị.

Bầu ban thường trực

Cử các ban Hội-đồng trong Nghị-viện.

Ngày thứ hai và ngày thứ ba 22-23 Oct.

Thảo nội-qui của Nghị-viện.

Họp các ban Hội-đồng để làm việc.

Ngày thứ tư 24 Octobre

8 giờ : Xét sổ dự-toán : khoản thu-nhập.

Khoản chi-xuất : Công-chính.

15 giờ : Xét sổ dự-toán : khoản chi-xuất :

Y-lẽ, Thú-y, Quản thủ điền-thờ, Địa-chính.

Ngày thứ năm 25 Octobre

8 giờ : Xét sổ dự-toán : khoản chi-xuất :

Học-chính, Nông-chính, Lâm-chính.

15 giờ : Xét bản kế-toán của ngân-sách Bắc-kỳ năm 1933.

Ngày thứ sáu 26 Octobre

8 giờ : Xét các việc công-tác dự-trù trong Ngân-sách Bắc-kỳ và trong Ngân-sách Đông Pháp mà làm tại Bắc-kỳ

15 giờ : Xét Ngân-sách hàng tỉnh và các việc công-tác dự-trù trong Ngân-sách hàng tỉnh.

Ngày thứ bảy 27 Octobre

Bàn và thảo những việc thỉnh-cầu.

Ngày thứ hai 29 Octobre

8 giờ : đọc và xét các đơn thỉnh-cầu.

15 giờ : Hội-đồng bế-mạc.

Dân-số xứ Bắc-kỳ. — Theo bản thống-kê mới làm, thì số người Pháp ở xứ Bắc-kỳ (không kể binh-lính) năm 1933, là 10.315; số người Âu-châu là 285. Số dân bản-xứ và các người Á-châu (không kể binh-lính) là 8.659.359. Số binh Âu là 7.199 và số binh-lính bản-xứ là 12.188

Số vớ các số năm 1932 như sau này :

Người Pháp (không kể binh-lính) là : 10.365 ; người Âu-châu : 357 ; dân bản-xứ và các người Á-đông, (không kể binh-lính) là : 8.493.148 ; binh lính Âu-châu : 6.214 ; binh lính bản xứ là : 11.950.

BỘ MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH

được duyệt-y dùng làm sách giáo-khoa trong các trường Pháp-Việt.

Nhà Học-chính Bắc-kỳ mới duyệt-y công-nhận bộ *Mạnh-tử quốc văn giải-thích* của hai ông NGUYỄN HỮU-TIẾN NGUYỄN ĐÔN-PHỤC và quyền Hán-Việt văn-khảo của ông PHẠM KẾ-BÌNH được dùng làm sách giáo-khoa trong các trường Pháp-Việt.

Bộ *Mạnh-tử quốc-văn giải-thích* là một bộ sách có giá-trị, do ông tú NGUYỄN HỮU-TIẾN và ông tú NGUYỄN ĐÔN-PHỤC dịch-thuật rất công-phu, đủ cả nguyên-văn chữ Nho và có dịch-âm, dịch-nghĩa, chú-giải kỹ-càng, tiện cho các nhà học-giả muốn biết chữ Nho có thể nhận đó mà nhận biết được mặt chữ và lại hiểu thấu cả nghĩa, học-trò các trường Pháp-Việt đều rất thích-dụng.

Sách in tại nhà in Trung-Bắc, chữ đẹp, giấy tốt, một bộ hai quyển, quyển thượng 512 trang, quyển hạ 390 trang, giá 5 \$00, có bán tại *Librairie Nou-*

velle số 3 phố hàng Gai Hà-nội và các hiệu sách lớn.

Giới-thiệu sách mới

Nguyễn-hoài-Đĩnh. — LA LECTURE FRANÇAISE à l'usage des cours Moyen 2e année et Supérieur des Ecoles franco-indigènes de l'Indochine. — Bản-báo mới nhận được của hiệu Nam-ký xuất-bản quyền sách của ông Kiểm-học Nguyễn-hoài-Đĩnh nhan-dề là *La lecture française* dùng cho các học-sinh lớp nhất và lớp nhì các trường tiểu-học Pháp-Việt Đông-Pháp. Tác-giả là một nhà giáo có tiếng đã từng soạn sách học về Pháp-văn cho các học-sinh có giá-trị, như là *Le certificat d'étude primaire franco-indigène* và *La langue française expliquée en Annamite*, là những cuốn đã tái-bản. Quyển *La lecture française* vừa mới xuất-bản, dày 200 trang giá 0\$75.

NAM-PHONG TÙNG-THƯ

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài)

Mới xuất-bản :

Tuồng Lối-xích.	giá 4 hào.
Xuất-bản từ trước :	
1. — Văn-minh-luận	4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris	4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp	4 hào.
4. — L'idéal du Sage	4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp :	
Quyển thứ I	4 hào.
Quyển thứ II	5 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết	4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới	4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois	4 hào.
9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE	4 hào.
10. — Phật-giáo đại-quan. (Lu lần thứ hai)	5 hào.
11. — La Poésie annamite.	4 hào.
12. — Tục-ngữ ca-dao.	4 hào.